

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 27, Chúa Nhật 05.11.2006

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu (tiếp theo) Vatican
2

LINH MỤC: HIỂU, SỐNG VÀ GIẢNG LỜI CHÚA GSVN

ƠN GỌI LÀ GÌ? Trần Hữu Hạnh,
fsf.

MỘT CÚ NHẢY XA VÀ NHẢY CAO TUYỆT VỜI ! Lm. Vĩnh Sang, DCCT

CHÓI CHANG Vân Thanh

SỐNG LÀ CHUẨN BỊ CHẾT Lm. Lê Văn Quảng

Lời từ tấm bia mộ Lm. Nguyễn Ngọc
Long

Niềm vui trong Chúa là sức mạnh con Cố Lm. Vũ Xuân
Huyền

TÌNH CẢM HAY TÌNH YÊU Lm. Đỗ Văn Lực,
OP.

Tác phẩm Đào Tạo & Tự Đào Tạo Thiêng Liêng... Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH
HUY

Kỹ Thuật Thông Tin Bác Sĩ Nguyễn
Ý-Đức

Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu (tiếp theo)

Nhờ khẩn giữ đức vâng lời, các tu sĩ tận hiến ý muốn mình như của lễ bản thân dâng lên Thiên Chúa, nhờ đó, được kết hợp với ý muốn cứu rỗi của Ngài cách kiên trì và chắc chắn hơn. Vậy, theo gương Chúa Kitô, Đấng đã đến để làm theo ý Chúa Cha (x. Gio 4, 34; 5, 30; Dth 10, 7; Tv 39, 9) "tự nhận thân phận tôi tớ" (Ph 2, 7) và đã học tập đức vâng lời với những điều phải chịu đựng (x. Dth 5, 8), các tu sĩ, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, lấy đức tin từng phục các vị Bề Trên, đại diện Thiên Chúa, và nhờ các ngài hướng dẫn, họ phục vụ mọi anh em trong Chúa Kitô, như chính Chúa Kitô, vì tuân phục Chúa Cha đã phục vụ anh em và hiến mạng sống để cứu chuộc mọi người (x. Mt 20, 28; Gio 10, 14 - 18). Như thế, họ được liên kết chặt chẽ hơn với sứ mệnh phục vụ của Giáo hội và nỗ lực đạt đến mức tuổi sung mãn của Chúa Kitô (x. Eph 4, 13).

Vậy các tu sĩ hãy khiêm tốn vâng phục Bề Trên của mình theo tiêu chuẩn qui luật và hiến chương, trong tinh thần tin kính và yêu mến đối với thánh ý Chúa, dùng tất cả năng lực trí

tuệ, ý muốn cũng như năng khiếu và ơn Chúa ban để thi hành các giới lệnh và chu toàn những phận vụ đã được ủy thác cho mình, vì biết mình đang góp công xây dựng Thân Thể Chúa Kitô theo như ý định Thiên Chúa. Như thế, đức vâng lời trong đời tu trì chẳng những đã không giảm bớt phẩm giá, nhưng còn giúp nhân vị trưởng thành nhờ phát triển tự do của con cái Thiên Chúa.

Các vị Bề Trên sẽ phải trả lễ về các linh hồn đã được ủy thác cho mình (x: Dth 13, 17), nên hãy ngoan ngoãn tuân hành thánh ý Chúa khi chu toàn bốn phận và hãy thi hành quyền bính trong tinh thần phục vụ anh em, làm sao để mình chứng được mỗi tình Thiên Chúa đã yêu họ. Với lòng kính trọng nhân vị, các ngài hãy cai quản những kẻ thuộc quyền như là những con cái Thiên Chúa bằng cách phát triển sự vâng phục tự nguyện. Phải đặc biệt để cho họ được tự do cần thiết trong việc xưng tội và linh hướng. Hãy hướng dẫn các tu sĩ biết cộng tác với tinh thần vâng lời tích cực và trách nhiệm, trong những bốn phận phải chu toàn và những sáng kiến cần có. Nên các Bề Trên hãy sẵn sàng lắng nghe các tu sĩ và khuyến khích họ cộng tác mưu lợi ích của hội dòng và của Giáo Hội, tuy nhiên vẫn phải duy trì quyền ấn định và truyền dạy những gì phải làm.

Các tu nghị và các hội đồng phải trung thành chu toàn bốn phận quản trị đã được ủy thác và tùy theo cách thức riêng mà phản ánh sự tham gia và lo âu của mọi tu sĩ đối với lợi ích của toàn thể cộng đoàn.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC: HIỂU, SỐNG VÀ GIẢNG LỜI CHÚA

Như chúng ta đã trình bày : Đối với các Kitô hữu và nhất là đối với các linh mục, cuốn sách "gối đầu giường", cuốn sách quan trọng nhất phải là cuốn Thánh Kinh.

Thực vậy, Thánh Kinh chính là chúc thư của Thiên Chúa, chính là cuốn sách bởi trời, qua đó Thiên Chúa nói với chúng ta và gửi đến cho chúng ta những chân lý, những sứ điệp soi dẫn cho đời sống tôn giáo cũng như luân lý.

Suốt hai ngàn năm qua, Thánh Kinh đã tạo được một ảnh hưởng sâu đậm hơn bất kỳ một cuốn sách nào khác. Và cho tới ngày hôm nay, Thánh Kinh vẫn còn là một cuốn sách được in nhiều nhất, được bán nhiều nhất và được đọc nhiều nhất.

Năm 1978, số sách Kinh Thánh được bán là 163 triệu cuốn. Năm 1987 là 200 triệu cuốn. Vậy chúng ta có bốn phận nào đối với Thánh Kinh, hay nói cách khác, chúng ta có bốn phận nào đối với lời Chúa ?

I- HIỂU LỜI CHÚA

Một trong những khác biệt căn bản giữa người Công giáo và anh em Tin lành, đó là vấn đề Thánh Kinh.

Thực vậy, anh em Tin lành cho rằng Thánh Kinh có một giá trị tuyệt đối, làm nền tảng cho đức tin, đồng thời mỗi người tín hữu đều có thể cắt nghĩa Thánh Kinh dưới sự soi dẫn của Chúa Thánh Thần, mà chẳng cần đến một quyền huấn nào cả.

Có lẽ vì để phản bác lại những lập trường sai lạc của anh em Tin lành, mà trong một thời gian dài Thánh Kinh đã bị sao lãng phần nào nơi Hội Thánh Công Giáo. Nếu so sánh với các mục sư và các anh em Tin lành về phương diện Thánh Kinh, chúng ta phải thành thật thú nhận rằng mình đã thua...một bàn trông thấy.

Rất may công đồng Vaticanô II đã đặt lại tầm mức quan trọng của Thánh Kinh trong lòng Giáo hội.

Trước hết, công đồng xác định Giáo hội phải "cố gắng hiểu biết Thánh Kinh ngày càng

sâu rộng hơn, hầu không ngừng lấy lời Chúa nuôi dưỡng con cái mình". (MK 23).

Công đồng đòi buộc các đấng bản quyền "phải mở rộng lối vào Thánh Kinh cho các tín hữu". (MK 22).

Đồng thời khuyến khích việc nghiên cứu Thánh Kinh :

"Phần các nhà chú giải Thánh Kinh Công giáo và những người chuyên về Thần học thánh phải ân cần lo lắng, dưới sự trông nom của Quyền Giáo huấn thánh, và dùng những phương thể thích hợp, để nghiên cứu và trình bày Thánh Kinh, hầu cung ứng nhiều thừa tác viên lời Chúa hết sức có thể, nhờ đó lương thực Thánh Kinh được ban bố dồi dào cho dân Chúa". (MK 23).

Công đồng cũng nhận định rằng việc nghiên cứu Thánh Kinh phải là linh hồn của khoa thần học và khoa thần học phải dựa trên Thánh Kinh, như trên một nền tảng vững chắc, nhờ đó mà được củng cố và được trẻ trung, bởi vì Thánh Kinh chứa đựng lời Chúa và thực sự là lời của Chúa vì được linh ứng. (MK 24).

Trong phạm vi cá nhân, hẳn rằng mỗi người chúng ta đều đã có một hay nhiều cuốn Thánh Kinh. Vì thế, việc cần phải làm ngay đó là hãy cầm lấy và đọc. Đây cũng là điều công đồng tha thiết và đặc biệt khuyến khích các tín hữu và cách riêng các linh mục và tu sĩ hãy siêng năng đọc Thánh Kinh, để học biết khoa học siêu việt của Đức Kitô, bởi vì không biết Thánh Kinh là không biết Đức Kitô. Thế nhưng, chúng ta phải đọc Thánh Kinh như thế nào ?

Kinh nghiệm cho thấy có nhiều cách đọc khác nhau.

Cách thứ nhất là đọc lướt qua theo kiểu cưỡi ngựa xem hoa. Từ khi có internet đến giờ, thú thực đôi lúc tôi cũng mắc phải tật xấu này. Do lượng thông tin quá nhiều, mà thời giờ lại eo hẹp, thành thử tôi cảm thấy như tối tăm cả mặt mũi, nhất là khi phải vắng nhà dăm ba bữa. Vì thế, có những tài liệu tôi chỉ liếc qua từ đầu trang đến cuối trang, hay chỉ đọc những tựa đề, rồi chọn lựa những gì cần, thì sẽ đọc kỹ hơn, bằng không thì sẽ xóa bỏ đi.

Cách thứ hai là đọc để giải trí như khi đọc một cuốn truyện hay một cuốn tiểu thuyết. Cầm đầu cầm cổ đọc một lèo từ đầu đến cuối, chẳng cần phải suy nghĩ và cũng chẳng cần phải ghi chú. Thậm chí có khi đọc ngày không đủ còn tranh thủ đọc cả ban đêm, có khi đọc bỏ cả ăn và quên cả uống. Xong xuôi, gấp sách lại và thở phào nhẹ nhõm.

Cách thứ ba là đọc để học hỏi. Cách đọc này có phần nghiêm túc hơn. Đọc một cách chăm chú đã đành, mà tay còn phải lăm le cầm lấy cây bút. Chỗ nào hay thì gạch ở dưới. Tư tưởng nào đẹp thì ghi vào một cuốn vở để tiện bề tra cứu. Đọc xong lại còn phải suy nghĩ và đánh giá xem tác giả nói đúng hay sai. Nếu đúng thì đúng ở chỗ nào, còn nếu sai thì sai ở đâu ?

Hẳn rằng mỗi người còn có thể đưa ra những cách đọc khác nữa mà mình đã từng sử dụng. Còn đối với lời Chúa thì sao ? Theo tôi nghĩ, đối với lời Chúa thì đọc một cách chăm chú theo kiểu đọc để học hỏi mà thôi chưa đủ. Chúng ta còn phải đọc trong tinh thần cầu nguyện.

Thực vậy, ngôn ngữ Việt Nam của chúng ta thật phong phú và tài tình trong việc ghép các chữ lại với nhau. Chẳng hạn hai chữ "học hành", đã học thì phải hành, nghĩa là phải làm. Chẳng hạn hai chữ "nhịn nhục", đã nhịn thì nhiều lúc cũng nhục lắm. Các nhà đạo đức cũng đưa ra một sinh hoạt rất cần thiết cho đời sống thiêng liêng, đó là nguyện ngẫm. Chúng ta ngẫm nhìn rồi chúng ta cầu nguyện.

Với lời Chúa cũng vậy. Chúng ta nghe đọc lời Chúa, rồi từ đó chúng ta cầu nguyện cùng Chúa.

Đây cũng là điều công đồng nói đến :

"Mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện cũng phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sách ngôn thần linh". (MK 25).

Trước mỗi câu hay mỗi đoạn của lời Chúa, thiết tưởng chúng ta nên dừng lại để suy nghĩ,

rồi tự vấn lương tâm và thưa lên cùng Chúa :

- Lạy Chúa, Chúa muốn nói với con điều gì ? Chúa muốn con phải hành động như thế nào ?

Có ngấm và nguyện như thế, chúng ta mới được kết hiệp mật thiết với Chúa, mới rút ra được những xác tín cho bản thân và những áp dụng cho cuộc sống, cũng như mới đáp ứng được mong mỏi của công đồng :

"Ước gì nhờ việc đọc và học hỏi Thánh Kinh, lời Thiên Chúa được trôi chảy và sáng sủa. Và ước gì kho tàng mạc khải, đã được ủy thác cho Giáo hội, ngày một tràn ngập tâm hồn con người". (MK 26).

II- SỐNG LỜI CHÚA

Tuy nhiên, đọc lời Chúa mà thôi chưa đủ, suy gẫm lời Chúa mà thôi cũng chưa đủ, điều quan trọng và cần thiết hơn cả, đó là chúng ta phải biến niềm tin thành việc làm, phải biến xác tín thành hành động, có nghĩa là chúng ta phải sống lời Chúa, phải thực thi những điều Ngài truyền dạy, như lời Ngài đã phán :

"Thật, tôi bảo thật các ông: ai tuân giữ lời tôi, thì sẽ không bao giờ phải chết." (Ga 8,51).

Nơi khác Chúa Giêsu cũng nói :

"Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy. Ai không yêu mến Thầy, thì không giữ lời Thầy. Và lời anh em nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy". (Ga 14,23-24).

Và như vậy, lời Chúa sẽ trở thành ngọn đèn cháy sáng, soi đường dẫn lối cho chúng ta bước đi trong một cuộc sống đầy phong ba và bão táp, đầy gian nan và thử thách.

Tại một cuộc hội thảo về những bản dịch Thánh Kinh, đang khi người ta phê bình bản dịch này, người ta chỉ trích bản dịch kia, thì một anh sinh viên đã giơ tay xin phát biểu. Anh ta đứng lên và nói :

- Tôi cũng có một bản dịch tuyệt vời.

Mọi người đưa mắt nhìn anh ta và vô cùng ngạc nhiên, bởi vì anh ta không phải là một chuyên viên Thánh Kinh. Người ta bèn hỏi :

- Bản dịch ấy như thế nào ?

Anh ta mỉm cười và trả lời :

- Bản dịch Thánh Kinh tuyệt vời nhất mà tôi hiện có, đó là mẹ tôi, bởi vì bà đã làm, đã thực thi những gì Chúa đã truyền dạy. Bà đã dịch Thánh Kinh bằng chính cuộc sống của bà.

Chúng ta đừng bao giờ quên lời Chúa đã căn dặn :

"Tại sao anh em gọi Thầy: Lạy Chúa! Lạy Chúa!, mà anh em không làm điều Thầy dạy? Ai đến với Thầy, và nghe những lời Thầy dạy mà đem ra thực hành, thì Thầy sẽ chỉ cho anh em biết người ấy ví được như ai. Người ấy ví được như một người khi xây nhà, đã cuốc, đã đào sâu và đặt nền móng trên đá. Nước lụt dâng lên, dòng sông có ủa vào nhà, thì cũng không lay chuyển nổi, vì nhà đã xây vững chắc.

Còn ai nghe mà không thực hành, thì ví được như người xây nhà ngay mặt đất, không nền móng. Nước sông ủa vào, nhà sụp đổ ngay và bị phá huỷ tan tành". (Lc 6,46-49).

III- RAO GIẢNG LỜI CHÚA

Như chúng ta đã biết : nổi ưu tư số một của Chúa Giêsu trong cuộc sống công khai, đó là tìm những người cộng tác với mình trong công cuộc truyền bá Phúc âm.

Chính vì thế, Ngài đã kêu gọi và tuyển chọn các Tông Đồ, đã trực tiếp huấn luyện và đào tạo các ông bằng cách cho các ông sống với Ngài để được nhìn thấy những việc Ngài làm và

lắng nghe những lời Ngài giảng, cũng như đã sai các ông đi để rao giảng Tin mừng :

“Rồi Người lên núi và gọi đến với Người những kẻ Người muốn. Và các ông đến với Người. Người lập Nhóm Mười Hai, để các ông ở với Người và để Người sai các ông đi rao giảng, với quyền trừ quỷ”. (Mc 3,13-15).

Hơn thế nữa, trước khi về trời, Ngài đã chính thức ban truyền cho các ông cái “lệnh lên đường”, cái “lệnh xuất phát” :

“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ; còn ai không tin, thì sẽ bị kết án”. (Mc 16,15-16).

Chính trong ý nghĩa ấy mà các Tông Đồ là những người được Chúa sai đi. Nhưng sai đi để làm gì ?

Tôi có thể trả lời một cách vắn tắt : sai đi để truyền giáo. Nhưng truyền giáo là gì ?

Truyền giáo là làm chứng cho Đức Kitô, như lời sách Công Vụ Tông Đồ đã viết :

“Bấy giờ anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giê-ru-sa-lem, trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất”. (Cv 1,8).

Truyền giáo là làm cho Đức Kitô được hiện diện :

“Nhờ lời rao giảng và việc cử hành các bí tích, mà trung tâm và tuyệt đỉnh là phép Thánh Thể, hoạt động truyền giáo làm cho Đức Kitô, Đấng tác thành công trình cứu rỗi, được hiện diện”. (TG 9).

Truyền giáo là rao giảng để mọi người nhận biết Đức Kitô :

“Giáo hội rao giảng và có bốn phận phải kiên trì rao giảng Đức Kitô, Đấng là “đường, sự thật và sự sống”(Ga 14,6), nơi Ngài, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Ngài, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình”. (NK 2)

Nói cách khác, truyền giáo cũng chính là loan truyền lời Chúa :

“Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”. (Mt 28,19-20).

Vâng lệnh Đức Kitô, cũng như bước theo dấu chân của Ngài, các Tông Đồ đã hăng say lên đường truyền giáo, “rao giảng lời chân lý và khai sinh các giáo đoàn”. Rồi từ đó cho tới nay, những đấng kế vị các Tông Đồ vẫn hăng tiếp tục công việc cao cả này, để “lời Chúa được lan tràn và sáng tỏ”, nước Chúa được công bố và thiết lập trên trần gian.

Vì vậy, công đồng đã xác quyết :

“Tự bản chất, Giáo hội lữ hành phải truyền giáo, vì chính Giáo hội bắt nguồn từ sứ mạng của Chúa Con và Chúa Thánh Thần theo ý định của Thiên Chúa Cha”. (TG 2).

Cũng vậy, linh mục là người môn đệ của Chúa, nên cũng được Ngài sai đi để truyền giáo, để rao giảng lời Chúa. Đây là một nhiệm vụ, một bốn phận căn bản và quan trọng của linh mục.

“Dân Chúa được đoàn tụ trước hết là nhờ lời Thiên Chúa hằng sống. Lời này phải được đặc biệt tìm thấy nơi miệng lưỡi các linh mục”. (LM 4).

Nhờ việc loan báo Tin Mừng cho mọi người, linh mục chia sẻ sứ mạng truyền giáo của Hội Thánh, đó là thiết lập dân Chúa và làm cho dân Chúa ngày càng thêm đông, bởi vì lời Chúa sẽ khơi động đức tin nơi những người chưa tin, cũng như nuôi dưỡng đức tin nơi những người đã tin. Chính đức tin này sẽ làm cho cộng đoàn tín hữu được phát triển. Vì thế :

“Các linh mục mắc nợ với mọi người về việc thông truyền cho họ chân lý Phúc Âm mà các ngài đã nhận được nơi Chúa”. (LM 4).

Hơn thế nữa, linh mục được tham dự chức vụ tiên tri, tư tế và vương đế của Đức Kitô. Vậy tiên tri là gì nếu không phải là người chuyển đạt lời của Thiên Chúa đến cho dân chúng. Bởi đó, rao giảng lời Chúa phải là điều thuộc bản chất của linh mục.

Công đồng viết như sau :

"Dù khi các ngài sống một đời sống tốt lành giữa các dân ngoại để làm cho họ tôn vinh Thiên Chúa, dù khi các ngài công khai giảng thuyết để loan truyền mầu nhiệm Đức Kitô cho những người chưa tin, dù khi dạy giáo lý Kitô giáo hay giải thích giáo thuyết của Giáo hội, dù khi chăm lo nghiên cứu những vấn đề thời đại dưới ánh sáng Đức Kitô : trong mọi trường hợp, phận sự của các ngài không phải là giảng dạy sự thông biết của mình, nhưng là giảng dạy lời Chúa và phải khẩn thiết mời gọi mọi người cải thiện và nên thánh". (LM 4).

Vậy linh mục đem lời Chúa đến cho người khác bằng cách nào ?

Trước hết, linh mục đem lời Chúa đến cho người khác bằng việc loan truyền, nhất là bài giảng trong thánh lễ.

Bước vào lãnh vực mục vụ của mình, linh mục có rất nhiều dịp để trình bày lời Chúa, chẳng hạn như khi dạy giáo lý cho trẻ nhỏ, người lớn và tân tòng, khi đào luyện và ban huấn dụ cho các hội đoàn, cũng như khi gặp gỡ riêng tư... Trong tất cả những sinh hoạt ấy, bài giảng trong thánh lễ phải chiếm một chỗ đứng quan trọng nhất. Những bài giảng phải được nuôi dưỡng và gia tăng sinh lực nhờ lời Thánh Kinh.

Thực vậy, trong chiều hướng canh tân phụng vụ, công đồng đã đặt nặng vấn đề lời Chúa. Công đồng đã chia thánh lễ thành hai phần, đó là phần phụng vụ lời Chúa và phần phụng vụ Thánh Thể. Hai phần này được liên kết chặt chẽ với nhau đến nỗi đã tạo thành một hành vi phụng thờ duy nhất.

Công đồng khuyên các linh mục phải hết sức trung thành chu toàn thừa tác vụ giảng giải của mình.

Đồng thời, bài giảng phải được múc lấy từ nguồn Thánh Kinh và Phụng vụ, bởi vì khi rao giảng là chúng ta loan truyền những việc kỳ diệu của Thiên Chúa trong lịch sử cứu rỗi hay trong mầu nhiệm Đức Kitô. Chính mầu nhiệm này hằng hiện diện thiết thực và tác động trong chúng ta, nhất là qua các cử hành phụng vụ.

Công đồng cũng đã đưa ra những nguyên tắc, những chỉ dẫn như sau :

"Để bàn tiệc lời Chúa được bày dọn một cách phong phú hơn cho các tín hữu, phải mở rộng kho tàng Thánh Kinh hơn nữa. Muốn thế, trong khoảng một số năm ấn định, phải đọc cho dân chúng phần Thánh Kinh quan trọng hơn". (PV 51).

"Bài giảng phải căn cứ vào Thánh Kinh để trình bày các mầu nhiệm đức tin và những qui tắc cho đời sống Kitô giáo trong suốt chu kỳ năm phụng vụ, rất đáng được coi như một phần của chính phụng vụ. Hơn nữa, trong những thánh lễ được cử hành vào ngày Chúa nhật và lễ buộc có dân chúng tham dự, không được bỏ giảng, nếu không có lý do hệ trọng". (PV 52).

Tiếp đến, linh mục đem lời Chúa đến cho người khác bằng chính đời sống gương mẫu của mình.

Thực vậy, người Việt Nam chúng ta thường nói :

- Trăm nghe không bằng một thấy.

- Lời nói như gió lung lay,

Việc làm như tay lôi kéo.

- Lời nói thoảng bay, gương bày lôi kéo.

Chính việc sống lời Chúa, chính việc thực thi những điều Chúa truyền dạy, hay nói cách

khác chính đời sống gương mẫu của linh mục, một đời sống đạo đức và thánh thiện, một đời sống ngập tràn tình bác ái và yêu thương, một đời sống thấm đậm tinh thần của Đức Kitô mới thực là một bài giảng hùng hồn và lôi cuốn người khác đến cùng Đức Kitô.

Lịch sử Giáo hội đã để lại nhiều bằng chứng tuyệt vời trong lãnh vực này. Chẳng hạn cuộc sống của mẹ Têrêsa thành Calcutta với hành động giúp đỡ những người nghèo túng không nhà không cửa, những người hấp hối bị bỏ rơi bên lề đường... đã thực sự là một bài giảng, tuy không lời nhưng lại thật hấp dẫn đối với mọi người.

Cách đem lời Chúa đến cho người khác bằng việc làm, bằng đời sống gương mẫu là cách thích hợp với con người thời nay hơn cả, bởi vì họ cần thực hành hơn lý thuyết. Nếu bảo đạo của chúng ta là đạo thật, nhưng đời sống của chúng ta lại chẳng tốt lành, thì ai dại gì mà tin theo.

Đúng thế, trong đời thường rất nhiều lần chúng ta được nghe nói :

- Tin đạo, chứ đừng tin kẻ có đạo.

Thế nhưng, bốn phận của chúng ta, linh mục cũng như giáo dân, là phải đảo ngược lại câu nói ấy :

- Tin vào cuộc sống gương mẫu của người có đạo, rồi người ta sẽ tin theo đạo.

Sở dĩ như vậy, vì con người thời nay "cần đến những chứng nhân hơn là cần đến những thầy dạy".

Thiết tưởng chúng ta cũng nên nhớ lại lời Đức Giám Mục đã khuyên nhủ chúng ta trong ngày lãnh nhận chức vụ linh mục :

- Hãy dạy điều con tin và làm điều con dạy.

KẾT LUẬN

Để kết luận, tôi xin mượn lời công đồng Vaticanô II đã viết trong hiến chế Dei Verbum, về sự Mạc Khải của Thiên Chúa như sau :

"Nếu đời sống Giáo hội được tăng triển nhờ năng lãnh nhận bí tích Thánh Thể, cũng thế, rất có thể hy vọng đời sống thiêng liêng được đổi mới nhờ thêm lòng sùng kính lời Chúa, là lời hằng tồn tại muôn đời". (MK 26).

GSVN

VỀ MỤC LỤC

ƠN GỌI LÀ GÌ?

LTS. Cuộc sống cũng có thể được tóm tắt bằng liên tiếp những chọn lựa, trong đó chọn lựa Ơn Gọi là một chọn lựa căn bản, quan trọng và quyết liệt. Sự chọn lựa chỉ thực sự hoàn hảo khi chúng ta hiểu biết đầy đủ các thông tin liên quan..., tác giả Trần Hữu Hạnh, fsf. xin cung cấp cho các bạn trẻ một vài căn bản thiết yếu đó...

1. ƠN GỌI LÀ GÌ?

Mỗi người đều được Thiên Chúa kêu gọi. Ơn gọi là tiếng gọi yêu thương của Chúa cho con người và Chúa mời gọi ta đáp lại tình yêu đó. Chính Thiên Chúa gọi ta và Người mong một ngày nào đó ta nghe được tiếng Người. Đây là tiếng gọi từ muôn thuở, từ lúc chưa có loài người sống trên mặt đất, chưa có đất trời, núi đồi, biển cả... Ngài yêu từng người, như thế chỉ có mình họ trên đời; do đó, Ngài cũng gọi từng người và đặt họ vào những con đường khác nhau từ lúc họ chưa được tạo thành:

“Trước khi cho người thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết người; trước khi người lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hoá người, Ta đặt người làm ngôn sứ cho chư dân.” (Gr 1, 5)

“Thiên Chúa đã dành riêng tôi ngay từ khi tôi còn trong lòng mẹ, và đã gọi tôi nhờ ân sủng của Người.” (Gl 1, 15)

“Mỗi đời sống là một ơn gọi.”^[1] Việc ý thức đời sống như một ơn gọi sẽ khơi dậy trong con người niềm khát vọng trước tương lai, đồng thời loại bỏ quan niệm về một đời sống thụ động, buồn nản và tầm thường. Như thế, đời sống luôn mang giá trị của “ân ban đã lãnh nhận mà theo bản tính nhằm trở nên điều thiện hảo được ban lại cho kẻ khác.”^[2]

Thiên Chúa còn mời gọi con người vào một bậc sống nào đó và trao cho họ một sứ mệnh. Chúa có thể kêu gọi những người hèn mọn, bất tài, cả những người đang chống lại Chúa, để làm những công việc vĩ đại cho Ngài.

Mỗi đời sống là một ơn gọi, nên có nhiều ơn gọi khác nhau. Ở đây chỉ bàn đến những ơn gọi chung và chính yếu.

2. NHỮNG ƠN GỌI CHUNG VÀ CHÍNH YẾU

a. Ơn gọi làm người

Ơn gọi làm người là ơn gọi đầu tiên và là nền tảng của mọi ơn gọi tự nhiên. Ơn gọi làm người đã được các triết thuyết, các hệ tư tưởng, các nền văn hóa nói tới. Làm người là một con đường dẫn tới sự hoàn thiện. Con người luôn phải chiến đấu với thói hư tật xấu của mình để trở thành người hơn. Nhưng làm người, theo nghĩa tích cực nhất, là làm người trong mối tương quan với Thiên Chúa. Con người phải tôn kính Trời và tuân theo sự sắp đặt quan phòng của Thiên mệnh (Ý Trời), vì Thiên mệnh là nguồn gốc của mọi luật lệ đạo đức. Bởi đó, Khổng Tử nói: “Kẻ nào không nhận biết Thiên mệnh, sẽ không bao giờ là một hiền nhân.”^[3] Sống theo thiên nhiên, tuân giữ luật của thiên nhiên là sống theo Thiên mệnh.

Thế nhưng, Kinh thánh nói gì về mối tương quan này?

Từ hư vô con người trở thành hiện hữu do ý muốn của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã tạo dựng con người “theo hình ảnh mình và giống mình.” (St 1, 26) Ngài đã trao vũ trụ cho con người làm chủ và mời gọi con người bước vào một mối tương quan yêu thương mật thiết với Ngài. Thiên Chúa nghĩ đến ta trước cả khi Ngài tạo thành vũ trụ. Thực ra đó là lý do Ngài đã tạo dựng thế giới. Thiên Chúa đã hình thành hành tinh này cho chúng ta để chúng ta sống và hưởng dùng. “Đặc tính cao cả nhất của phẩm giá con người nằm trong ơn gọi con người được hiệp thông với Thiên chúa. Thiên Chúa khởi sự mời gọi con người đối thoại với Ngài, cùng với sự xuất hiện của họ trên đời. Bởi vì, nếu con người hiện hữu, là vì yêu thương mà Thiên Chúa đã tạo dựng họ, và cũng vì yêu thương mà Ngài luôn cho họ được sống. Và con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý, nếu tự do nhìn nhận tình yêu đó và phó thác cho Đấng tạo dựng nên mình.” (GS 9).

Chúng ta sẽ sống một cuộc sống thanh thản hơn, có ý nghĩa và tốt đẹp hơn, nếu chúng ta biết rằng Thiên Chúa đang điều khiển và quan phòng mọi sự. Ngài hài lòng với việc chúng ta tôn thờ Ngài, coi Ngài là trung tâm của cuộc sống. Và như vậy chúng ta phải luôn tiếp xúc với Ngài bằng cầu nguyện, lắng nghe tiếng Ngài, hiệp thông với Ngài. Chúng ta được tạo dựng để làm đẹp lòng Thiên Chúa. Mỗi người chúng ta được tạo dựng một cách độc đáo, không ai giống ai, cả về thể xác, tâm hồn, tính tình và năng khiếu. Bởi đó, không có ơn gọi nào giống ơn gọi nào. Mỗi người là tác phẩm nghệ thuật độc đáo và độc nhất vô nhị của Thiên Chúa.

Thiên Chúa quan tâm đến từng chi tiết của thân thể chúng ta:

“Tặng phủ con, chính Ngài đã cấu tạo, dệt tằm hình hài trong dạ mẫu thân con. Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng, công trình Ngài xiết bao kỳ diệu!” (TV 139, 13-14)
“Xương cốt con, Ngài không lạ lẫm gì, khi con được thành hình trong nơi bí ẩn, được thêu dệt trong lòng đất thăm sâu.” (Tv 139, 15)

Không những Chúa tạo hình ta, Ngài còn tiếp tục tiến trình định hình ta. Ngài đã lên kế

hoạch trước những ngày sống của đời ta khi ấn định chính xác ngày ta sinh ra và ngày ta chết:

"Con mới là bào thai, mắt Ngài đã thấy; mọi ngày đời được dành sẵn cho con đều thấy ghi trong sổ sách Ngài, trước khi ngày đầu của đời con khởi sự." (Tv 139, 16).

Ngài thấu suốt những công việc ta làm, ngay cả tư tưởng của ta Ngài cũng am tường hết:

"Lạy Chúa, Người đã dò xét con và Người biết rõ, biết cả khi con đứng con ngồi. Con nghĩ tưởng gì, Người thấu suốt từ xa, đi lại hay nghỉ ngơi, Chúa đều xem xét, mọi nẻo đường con đi, Người quen thuộc cả...Người bao bọc con cả sau lẫn trước, bàn tay của Người, Người đặt trên con." (Tv 138, 1-5).

Ngài luôn nâng đỡ và hướng dẫn ta trên mọi nẻo đường đời:

"Ta đã nâng các ngươi từ trong lòng mẹ, đã hứng các ngươi từ lúc chưa chào đời. Cho đến khi các ngươi già nua tuổi tác, trước sau gì Ta vẫn là Ta; cho đến khi các ngươi da mồi tóc bạc, Ta vẫn còn gánh vác các ngươi. Như xưa nay Ta vẫn từng đối xử: Ta sẽ nâng niu, gánh vác các ngươi, và ban ơn cứu thoát." (Is 46, 3-4)

Qua đó nói lên rằng không gì xảy ra trong đời ta mà lại không mang một ý nghĩa gì. Chúa uốn nắn ta theo mục đích tạo dựng của Ngài. Làm một công việc gì, chúng ta đều nhắm tới mục đích nào đó. Người không có mục đích cũng giống như con thuyền không bánh lái, như lục bình trôi sông. Khi tạo nên chúng ta, Thiên Chúa cũng có mục đích của Ngài và Ngài muốn chúng ta hoàn thành. Nếu chúng ta không hoàn thành, thì ai sẽ thay thế chúng ta, vì mỗi người đều có công việc của riêng mình.

Vì thế, chúng ta phải luôn tự hỏi mình: Tôi sống ở trên đời này để làm gì? Đây là ý nghĩa của sự hiện hữu của tôi? Nếu ta muốn biết lý do tại sao ta được đặt trên hành tinh này, ta phải bắt đầu từ Thiên Chúa. Ta không tạo dựng được chính ta; do đó, ta không thể bảo rằng tôi được tạo dựng để làm gì? Tôi muốn trở nên thế nào? Đây là những mục tiêu, những tham vọng, những kế hoạch, những ước mơ của tôi? Tập trung vào mình như vậy ta sẽ không bao giờ biết được mục đích chính của đời sống ta. Chính Thiên Chúa tạo dựng nên ta và Ngài có mục đích của Ngài. Ta không thể biết được mục đích của một phát minh mới, nếu người phát minh không nói cho ta biết. Ta không thể đạt tới mục đích đời ta bằng cách bắt đầu tập trung vào chính mình. Ta phải bắt đầu với Thiên Chúa, Đấng tạo hình nên ta. Ta chỉ hiện hữu vì Thiên Chúa muốn ta hiện hữu. Chỉ trong Thiên Chúa ta mới khám phá ra được nguồn gốc, căn tính, ý nghĩa, mục đích, cách thể hiện và số phận của ta. Tất cả các con đường khác đều dẫn đến bế tắc. Ta được tạo dựng cho Thiên Chúa; và vì thế, cuộc sống của ta là để Ngài sử dụng cho các mục đích của Ngài, chứ không phải ta sử dụng Ngài cho mục đích riêng của ta. Nếu ta chỉ tập trung vào chính mình, kiên trì và quyết tâm theo đuổi những mục tiêu ta đề ra, ta có thể đạt được thành công rực rỡ, nhưng vẫn còn thiếu những mục đích Thiên Chúa mong muốn khi tạo dựng nên ta.

Con người được tạo dựng cho vĩnh cửu. Chính Thiên Chúa đã tạo dựng ta theo hình ảnh Ngài, để sống trong cõi vĩnh hằng. Cuộc đời này không phải là tất cả. Nó là một sự chuẩn bị cho đời sống mai hậu. Mạnh giỏi lắm ta có thể sống một trăm năm trên trái đất này, nhưng ta sẽ sống muôn đời trong cõi đời đời. Đời sống chúng ta trên dương thế này chỉ là tạm bợ nơi đất khách quê người. Quê hương chúng ta là ở trên trời; do đó, đừng quá dính bén vào những của phù vân, đừng lo chiếm đoạt mọi thứ trên đời. Tất cả rồi sẽ qua đi... Mỗi giây liên hệ của ta với Thiên Chúa trên trần thế này sẽ xác định mỗi giây liên hệ với Ngài trong cõi đời đời. Nếu đo bằng cây thước vĩnh cửu, thời gian của chúng ta trên cõi đời này tựa như một chớp mắt, nhưng hậu quả của nó sẽ kéo dài vô tận.

Nhiều người để cho tiền bạc, danh vọng, lạc thú, tội lỗi, sự sợ hãi,... điều khiển đời sống của họ. Và kết quả là họ luôn sống trong bất an, tầm thường và vô nghĩa. Nếu ta tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa, các mục đích của Ngài sẽ dẫn dắt đời sống chúng ta: "Thế gian đang qua đi, cùng với dục vọng của nó. Còn ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa thì tồn tại mãi mãi." (1Ga 2, 17)

Nếu không có Thiên Chúa, hẳn tất cả sự hiện hữu của chúng ta đều là do "ngẫu nhiên." Đó là kết quả của may rủi do thiên nhiên vận hành bừa bãi trong vũ trụ. Và như thế, đời

sống chẳng có ý nghĩa gì, chẳng có tốt xấu, đúng sai, chẳng có hy vọng... Nhưng có Thiên Chúa, Đấng đã tạo hình ta; và vì thế, đời sống của ta có một ý nghĩa sâu xa.

Việc tìm hiểu ý định của Thiên Chúa kéo dài suốt đời ta. Chúng ta chỉ biết được ý nghĩa và mục đích của đời sống chúng ta khi chúng ta biết được Thiên Chúa là ai và Ngài làm gì cho chúng ta: "Khởi đầu mỗi bước đường ơn gọi, đều có Đấng Em-ma-nu-en, Thiên Chúa ở-cùng-chúng-ta. Chính Ngài mặc khải cho chúng ta biết, chúng ta không đơn độc khi xây dựng đời sống mình, bởi vì Thiên Chúa luôn đồng hành với chúng ta giữa những biến cố liên tiếp, và nếu ta muốn, Ngài sẽ xây dựng với mỗi người chúng ta một cuộc tình kỳ diệu, độc nhất và không giống nhau, nhưng đồng thời lại phù hợp với con người và vũ trụ. Khám phá ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử đời mình, sẽ không cảm thấy mình mồ côi nữa, nhưng biết rằng mình có một Người Cha mà ta có thể hoàn toàn tin cậy nơi Ngài: đó là khúc rẽ quan trọng có thể biến đổi triển vọng con người, và như Hiến chế Gaudium et Spes quả quyết, con người 'chỉ nhận ra mình cách trọn vẹn, nhờ việc hiến thân chân thành' (Số 24)"^[4] Định hướng này sẽ chiếu sáng cho cách sống của ta, cách ta thi hành công việc hằng ngày, cách đối xử với người khác, cách đánh giá sự việc,... Ta sẽ sử dụng thời giờ và tiền bạc một cách khôn ngoan hơn. Nhiều công việc, kế hoạch, mục tiêu và ngay cả nhiều vấn đề xem ra quan trọng, sẽ trở thành tầm thường, nhỏ nhặt và không đáng quan tâm nữa. Ta càng sống gần Thiên Chúa, các sự vật càng trở nên tầm thường, nhỏ bé.

b. Ơn gọi làm Kitô hữu

Ơn gọi thứ hai và cũng là nền tảng cho mọi ơn gọi siêu nhiên là ơn gọi làm Kitô hữu. Thiên Chúa không chỉ là điểm khởi đầu của cuộc sống chúng ta, Ngài còn là nguồn mạch và đích điểm của đời sống chúng ta. Để khám phá ra mục đích đời ta, ta phải qui chiếu về Lời của Ngài, chứ không phải về những lẽ khôn ngoan của con người. Lời của Ngài đã chỉ cho chúng ta thấy: "Thiên Chúa là Đấng làm nên mọi sự theo quyết định và ý muốn của Người, đã tiền định cho chúng tôi đây làm cơ nghiệp riêng theo kế hoạch của Người, để chúng tôi là những người đầu tiên đặt hy vọng vào Chúa Ki-tô, chúng tôi ngợi khen vinh quang Người." (Eph 1, 11- 12). Bản văn Kinh thánh này đã chỉ cho chúng ta thấy rằng chúng ta khám phá ra căn tính và mục đích của chúng ta nhờ liên kết với Chúa Giêsu Kitô. Khi ta liên kết với Chúa Kitô, đời sống của ta sẽ thay đổi, mọi giá trị sẽ đảo lộn như thánh Phaolô nói: "Những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Chúa Ki-tô, tôi cho là thiệt thòi." (Pl 3, 7).

Từ sự hiện hữu đơn thuần nhân loại, con người được mời gọi bước vào một sự hiện hữu thần linh, do công trình tái tạo của Thiên Chúa trong Chúa Kitô: "Vì được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới." (Rm 6, 4) Thật vậy, qua phép Rửa, chúng ta được tái sinh trong Chúa Kitô, từ bỏ con người cũ để mặc lấy con người mới, cùng vác thập giá với Người để rồi cùng được hưởng vinh quang với Người. Ý định cứu chuộc này đã được Thiên Chúa hoạch định từ trước cho chúng ta: "Ấn sủng đó, Người đã ban cho chúng ta từ muôn thuở trong Chúa Ki-tô Giê-su, nhưng giờ đây mới được biểu lộ, vì Đấng cứu độ chúng ta là Chúa Ki-tô Giê-su đã xuất hiện." (2Tm 1, 9-10) "Chúng ta là tác phẩm của Thiên Chúa, chúng ta được dựng nên trong Chúa Ki-tô Giê-su, để sống mà thực hiện công trình tốt đẹp Thiên Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta." (Ep 2:10) "Chúng tôi giảng dạy lẽ khôn ngoan nhiệm mầu của Thiên Chúa đã được giữ bí mật, lẽ khôn ngoan mà Thiên Chúa đã tiền định từ trước muôn đời, cho chúng ta được vinh hiển. Không một ai trong các thủ lãnh thế gian này đã được biết lẽ khôn ngoan ấy, vì nếu biết, họ đã chẳng đóng đinh Đức Chúa hiển vinh vào thập giá. Nhưng, như đã chép: Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Người." (1Cr 2, 7-9)

Đây là ơn gọi căn bản và phổ quát, vì là ơn gọi đầu tiên và là ơn gọi chung cho mọi Kitô hữu. Ơn gọi này là ơn Chúa ban cho chúng ta cách nhưng không, là một món quà vô giá mà không phải ai cũng nhận được.

Chúng ta được tạo hình cho gia đình của Thiên Chúa. Thiên Chúa tạo dựng con người để trở nên các phần tử trong gia đình của Ngài và Ngài sai Con Một của Ngài, Chúa Giêsu, đến trần gian để hướng dẫn chúng ta nhận biết Ngài là Người Cha nhân hậu và chúng ta là con cái của Ngài, là anh em với nhau. Chúng ta được tạo dựng trở nên giống Chúa Giêsu. Như vậy, mục tiêu tối hậu của cuộc sống không phải là xây dựng cho mình một cuộc sống đầy đủ tiện nghi về vật chất, nhưng quan trọng hơn chính là việc phát triển đời sống tâm linh. Làm

sao để cuộc sống mình biến đổi theo hình ảnh Chúa Giêsu và những lời giảng dạy của Ngài. Giáo hội chính là gia đình thiêng liêng của Ngài. Mục đích của đời sống chúng ta là học hỏi lòng yêu thương của Ngài. Sống đạo không chỉ là tin, nhưng quan trọng hơn cả là thuộc về Ngài, thuộc về Giáo hội của Ngài. Sống đạo là sống tình thân hữu với Thiên Chúa và với mọi người. Do đó, chúng ta được tạo hình là để phục vụ Thiên Chúa. Sống được như vậy, mỗi Kitô hữu cần loại bỏ nỗi lo sợ cho chính mình để hiến thân phục vụ người khác. Lời thánh Phaolô luôn nhắc nhở chúng ta: "Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo." (Rm 12, 2)

Ơn gọi luôn gắn liền với sứ vụ. Chúng ta được Chúa kêu gọi là để sống với Ngài và để được Ngài sai đi (x. Mc 3, 13- 15). "Sống chứng nhân là cách thể biểu thị sống động nhất về sức mạnh yêu thương cứu độ của Thiên Chúa. Cũng như Chúa Giêsu đã đến trần gian không để tìm vinh quang cho chính mình, nhưng là để làm vinh danh Thiên Chúa và cứu độ con người, Kitô hữu bước theo Chúa Giêsu để được Tin Mừng của Người biến đổi, và qua đó họ trở nên những người đem Tin Mừng cho thế giới này." (HĐGMVN, Thư Mục vụ 2006, số 4) Bậc sống giáo dân cũng có nhiều "ơn gọi" khác nhau: đó là những cách sống và việc tông đồ khác nhau tùy theo môi trường sống của mỗi người: "Mỗi người tùy theo ơn Chúa ban mà phục vụ kẻ khác, như những người quản lý trung tín giữ mọi ân sủng của Thiên Chúa." (1 Pt. 4:10)

Mọi ơn gọi khác đều phát xuất từ ơn gọi làm người và một cách rõ nét trong ơn gọi làm Kitô hữu.

Có nhiều loại ơn gọi: có loại ơn gọi dành cho hết mọi người, có loại chỉ dành cho một số ít người; có loại ơn gọi cho cả đời người, có loại ngắn hạn... Loại ơn gọi cho cả đời người chính là ơn gọi bậc sống của mỗi người: sống độc thân, lập gia đình, hoặc tu trì. Với cuốn sách mỏng này, người viết chỉ nói sơ qua về ơn gọi sống đời hôn nhân và bàn sâu hơn về ơn gọi tu trì

c. Ơn gọi sống đời hôn nhân hay tu trì

Sau ơn gọi nền tảng tự nhiên và siêu nhiên, chúng ta có bốn phận đi tìm thánh ý Chúa cho ơn gọi riêng của mình. Đối với những người lập gia đình, họ có thêm ơn gọi sống đời đôi bạn hay làm cha mẹ. Ngoài ra, một số người còn có ơn gọi làm linh mục hay tu sĩ. Ơn gọi đời sống hôn nhân hay tu trì, không mâu thuẫn với ơn gọi làm Kitô hữu; trái lại, nó củng cố, làm thăng tiến và phong phú hơn. Hai ơn gọi này dẫn đến hai bậc sống khác nhau: bậc sống tu trì và bậc sống hôn nhân. Nhưng tất cả đều được kêu gọi trở nên trọn lành (x. Mt 5, 48). Công đồng Vatican II cũng đã khẳng định mọi Kitô hữu đều được kêu gọi nên thánh trong bậc sống của mình và có nhiều con đường để nên trọn lành (x. LG 11, 42), chứ không chỉ qua con đường tu trì. Ở đây, chúng ta cần phân biệt "nên thánh" trong bậc giáo dân và "nên thánh" trong bậc tu trì: sự thánh hiến phổ quát và sự thánh hiến riêng biệt, ơn gọi phổ quát nên thánh và ơn gọi cụ thể nên thánh theo từng bậc sống. Trong Cựu ước, có sự thánh hiến của toàn thể dân Chúa và cũng có sự thánh hiến của riêng các ngôn sứ. Cũng vậy, trong Tân ước, ngoài sự thánh hiến phổ quát dựa trên bí tích Rửa tội, còn có sự thánh hiến đặc biệt của bí tích Truyền chức (x. CCC^[5] 1535, 1556-1559), của bí tích Hôn nhân (x. GS 48; CCC 1535), của các hình thức tu trì (x. CCC 916, 931; LG 44; PC 5). Mỗi người phải sống theo đặc sủng đã nhận được (x. 1Cr 7, 7- 20). Chính Chúa Thánh Thần làm cho Giáo hội trở thành một mối hiệp thông hữu cơ, trong sự đa dạng về các ơn gọi, các đặc sủng và các thừa tác vụ (x. AG 4; LG 4, 12, 13; GS 32, CL 30-31). Nói chung, nên thánh là con đường của đức ái. Càng yêu nhiều, càng thánh thiện. Ơn gọi là một lời mời gọi để sống trong tình yêu với Thiên Chúa và để mình chứng tình yêu đó. Dù sống trong bậc sống nào, chúng ta cần phải hiểu rằng TÌNH YÊU là sức sống nền tảng của mọi ơn gọi: "Một cách đơn giản, ơn gọi là một tiếng gọi để tôi hoàn toàn lệ thuộc vào Đức Kitô, với ý thức rằng, không gì có thể tách tôi ra khỏi Tình yêu của Người. Ơn gọi là một lời mời gọi để sống trong tình yêu với Thiên Chúa và để mình chứng tình yêu đó. Tôi yêu mến Chúa thế nào? Tôi mình chứng tình yêu của tôi cho Thiên Chúa thế nào? Thưa, bằng cách làm thật tốt đẹp công việc được trao phó, bằng cách thực hiện một cách đơn sơ những gì Chúa ủy thác cho tôi dưới bất kỳ dạng thức nào. Như thế, dù bạn được trao phó cho bất kỳ công việc gì, với tư cách một tu sĩ, hay một giáo dân - đó là phương tiện cho bạn để bạn dành tình yêu của bạn cho Thiên Chúa trong một hành vi sinh động, trong một hành vi của tình yêu... Bất kỳ khi nào bạn mỉm cười với một người nào đó, nụ cười đó là một hành vi của tình yêu, là một món quà cho người đó, một cái gì thật đẹp..."

Do đó, nếu tôi biết làm thế nào để yêu mến Đức Kitô, nếu tôi muốn biết tôi có thực sự ở trong tình yêu với Thiên Chúa không, tôi chỉ cần nhìn xem tôi đã làm công việc Ngài đã trao phó cho tôi như thế nào - Có bao nhiêu tình yêu tôi đã đặt vào trong công việc của tôi. Bạn thấy đó, vấn đề của ơn gọi không hề tại ở chính công việc - ơn gọi của chúng ta là thuộc trọn về Đức Giêsu với ý thức rằng, không gì có thể tách lìa chúng ta ra khỏi tình yêu của Người. Ơn gọi không phải là những gì chúng ta đang làm, hay chúng ta làm được bao nhiêu việc, mà là bao nhiêu tình yêu tôi đã đặt vào công việc tôi đã được trao phó. Những gì bạn đang làm, có thể tôi không làm được... Những gì tôi đang làm, có thể bạn không làm được, nhưng tất cả chúng ta đều có thể làm cái gì đó thật đẹp cho Thiên Chúa." (Mẹ Têrêxa Calcutta)

Cha mẹ của thánh nữ Têrêxa Hải đồng Giêsu, ông Martin và bà Guerine, đã đi tìm hiểu ơn gọi tu trì, nhưng Chúa không muốn cho họ đi con đường ấy và họ đã bước vào cuộc sống hôn nhân và nên thánh. Chúng ta phải nhấn mạnh rằng hôn nhân Kitô giáo là một ơn gọi nên thánh và gương của những cha mẹ thánh thiện là điều kiện thuận lợi đầu tiên cho việc nở hoa những ơn gọi linh mục và tu sĩ.

Từ khởi nguyên, Chúa đã muốn con người sống có đôi: "Đàn ông ở một mình không tốt." (St 2, 18) Nhưng Chúa, nhất là trong Tân ước, cũng mời gọi chúng ta bước đi trên con đường hẹp của Tin Mừng, sống hiến dâng trọn vẹn cho Thiên Chúa bằng một tình yêu không chia sẻ (x. Mt 19, 12; VC 88). Cũng như ơn gọi làm Kitô hữu, ơn gọi làm linh mục hay tu sĩ là ơn Chúa ban nhưng không. Chúa là người đi bước trước, là người đưa ra sáng kiến kêu gọi chúng ta theo Ngài: "Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con." (Ga 15, 16)

Bởi đó, mỗi người đều được đặt trước một sự chọn lựa. Hạnh phúc cả cuộc đời tùy thuộc vào sự lựa chọn này. Sự chọn lựa luôn bao gồm trách nhiệm. Chọn lựa cũng bao gồm sự hy sinh và dẫn thân. Hy sinh và dẫn thân để theo đuổi điều mình chọn lựa. Chúng ta chọn lựa một cách dứt khoát, nhưng hy sinh và dẫn thân thì kiên trì, bền bỉ và kéo dài suốt cuộc đời. Nếu chọn lựa sống đời Kitô hữu hoàn hảo đã phải chiến đấu nhiều với chính bản thân, thì chọn lựa sống đời tu trì còn phải chiến đấu nhiều hơn nữa. Vì chọn lựa ấy đòi buộc sống giữa đời nhưng không để bị vương vấn mùi đời.

Trước khi lựa chọn, ta cần suy nghĩ, tìm hiểu về từng ơn gọi, rồi tự xét xem mình tự nhiên hướng chiều mạnh mẽ về đời sống nào? Đối với việc tìm hiểu về đời sống hôn nhân, thiết tưởng chúng ta đã biết nhiều rồi, ở đây chỉ xin bàn về ơn gọi tu trì.

còn tiếp

[1] Đức Phaolô VI, *Populorum Progressio - Thông điệp phát triển các dân tộc*, số 15.

[2] Những ơn gọi mới cho một Châu Âu mới, 1998, số 16b. [3] Luận ngữ 20, 3.

[4] Sứ điệp của Đức Gioan Phaolô II gửi các tín hữu nhân ngày cầu cho ơn thiên triệu 6/5/2001, số 2. [5] Sách Giáo Lý Giáo hội Công giáo.

VỀ MỤC LỤC

MỘT CÚ NHẢY XA VÀ NHẢY CAO TUYỆT VỜI !

*Quý độc giả **Ephata và Giáo Sĩ Việt Nam** thân mến,*

Trên kênh truyền hình VCTV 2, mỗi đêm, nhà đài đang phát lại phim "Blouse Trắng". Tôi đã được xem phim này lần này là lần thứ hai, thật ra thì lần trước và cả lần này tôi vẫn chỉ là

xem được tập nào hay tập đó, chẳng bao giờ xem được hoàn toàn bộ phim, vì những bận rộn và những bốn phận cắt ngang.

Nhân vật cuốn hút tôi trong bộ phim này là người nữ bác sĩ tên Oanh, dĩ nhiên mỗi người có một lối nhìn và một cách đánh giá vấn đề khác nhau, nhưng nơi tôi, tôi cảm nhận và yêu mến nhân vật này, dầu biết rằng đó chỉ là một nhân vật hư cấu, nghĩa là được dựng lên theo truyện phim mà thôi.

Sống bản lĩnh, tinh táo trước mọi vấn đề, đánh giá đúng thực trạng, không bị dư luận đưa đẩy và quyết tâm làm điều đúng mà mình đã nhận định. Thân phận con người đã không tránh cho nhân vật này thoát khỏi những khổ đau, trần trở và kể cả những thất bại cách này cách khác.

Câu truyện trong Phúc Âm về người mù Ba-ti-mê làm cho tôi rõ hơn trong quả quyết Ông Gọi của đời mình. Một khi đã xác định đúng con đường của mình, nhất là con đường ấy mang tên Giê-su, thì chẳng ngại ngần gì mà không vững bước.

Cái đám đông cay nghiệt và xu nịnh luôn là một trở ngại lớn cho ý chí của những ai không đủ bản lĩnh và quyết tâm. Trước đó vài phút, một đám đông của những kẻ tưởng mình mạnh, tưởng mình sáng mắt và tưởng rằng mình hữu lý, họ đều quát nạt anh Ba-ti-mê và bảo anh im đi. Có lẽ khi mình không đổ vỡ vì lỗi lầm hoặc hình phạt, nhưng vì những ánh mắt ghê lạnh, những cái nhìn soi mói ác độc, đánh gục những con người đang thoi thóp chờ một sự cảm thông. Người bạn ngày hôm qua còn đi lại với mình hôm nay bỗng lạnh lùng tránh né, vẫn có những ngày đụng thất bại trong cuộc đời, không tìm được một cuộc gặp gỡ để nhận sự nâng đỡ.

Tôi nhớ lại một hình ảnh mà tôi thường gặp ở ngay Xứ Đạo nhà tôi ngày tôi còn bé, bây giờ vẫn còn, có cái là vị trí của tôi hôm nay đã khác với ngày xưa trong cùng một tình huống đó. Tạ ơn Chúa, vì ngay từ đạo ấy, Chúa đã cho tôi có được một góc nhìn từ vị trí một chú bé, để rồi ẩn tượng đó sẽ giúp tôi lưu tâm đến cách ứng xử của chính mình trong cương vị một Tu Sĩ Linh Mục hôm nay. Góc nhìn đặc biệt ấy, ẩn tượng không phai ấy chính là khung cảnh một đám đông những ông Trùm, bà Quản, xô đẩy quát tháo dân chúng, dẹp đường lấy lối cho cha xứ đi qua.

Trong một lần tôi về công tác ở một Giáo Phận xa xôi, ngày ấy còn khó khăn lắm, Đức Cha cho tôi sử dụng chiếc xe Niva (loại xe thể thao của Liên Xô, hai cầu, để di chuyển trong các địa hình phức tạp) duy nhất của Đức Cha, thầy lái xe phải khó khăn chạt vật lắm mới vượt qua được đám đông Giáo Dân tụ về trung tâm Giáo Phận để đón rước Đức Cha như trong một ngày Lễ Hội. Bỗng vị Linh Mục đi cùng với tôi (trong vai trò hướng dẫn) mở cửa xe, nhảy xuống, trong chiếc áo chùng đen, không biết lấy ở đâu mà trong tay đã có sẵn một cây tre, ngài vung tay phát roi và la hét để dẹp đám đông, mở đường cho xe Đức Cha len đi. Lúc đó tôi ngồi vững trên xe, ngượng chín cả người, không biết phải động thổ đi đâu !

Tôi cảm phục Đức Cha Louis Phạm Văn Năm, nhiều lần, lúc sinh thời, đến dâng Thánh Lễ ở đâu đó, thật bất ngờ, ngài tươi cười xuất hiện ở phòng áo và chào mọi người, cả một đám đông với bao nhiêu là quan chức, cổng chào, khăn áo, cờ quạt đã đón huy ngài, vì ngài chỉ dùng chiếc xe hai bánh, trang phục bình thường và len lén đi bằng cửa... sau. Hôm ấy, chắc là không đứa bé lơ ngơ nào, không người đàn bà nghèo hèn tội nghiệp nào bị quát nạt vì đã dám chạy ngang qua đám đông để chào đón Đức Cha, hay chồm mình để nhìn cho được vị Giám Mục thân yêu của mình.

Khi Chúa Giê-su cất tiếng gọi hỏi Ba-ti-mê, thì đám đông tráo trở đã vội đổi giọng với anh và nhắc anh một cách tích cực, lại còn ân cần bảo: "Hãy cứ yên tâm". Người mù lúc này đã chẳng đếm xỉa gì đến lời quát nạt của đám đông thì bây giờ cũng chẳng quan tâm mấy đến lời những đẩy đưa của bọn họ. Thế mới thấy được sức mạnh của một con người đã biết chọn đúng đường, chọn đúng đích, nhất là đường đó, đích đó lại mang tên Giê-su.

Tôi với cha Quang Uy, hai anh em đã có hơn một lần ngồi "tán" với nhau thật "đã" về cái cú "nhảy chồm lên" của anh mù theo cách dịch của cha già Nguyễn Thế Thuần trong Dòng, tưởng tượng ra cái khoảng không đen tối trước mặt, cái liều lĩnh can đảm, cái dứt khoát của lòng tin, cú nhảy của anh mù quả thật là cú nhảy "muôn đời còn được nhắc đến". Cú nhảy đó xuyên qua màn đêm tối dẫn vào miền ánh sáng, cú nhảy khởi đầu một chặng đường mới của một người cảm nhận Giê-su là tất cả của mình để đi theo. Cú nhảy đó còn là cú nhảy xuyên qua cái xu nịnh nông nổi của thế gian, cái vào hòa với định kiến, cái đón gió trở cờ và cái

quyền thế không nhằm đến việc phục vụ tha nhân mà đám đông ngày xa xưa ấy quanh Chúa Giê-su và cả đám đông chúng ta hôm nay đang theo đuổi một cách mù quáng khờ khạo !

Nếu chúng ta xác định được đường và đích của mình mang tên Giê-su, thì nào, xin mời chúng ta hãy cùng liều lĩnh nhảy chồm về phía Ngài, lao mình đến với Ngài.

Lm. VĨNH SANG, DCCT, Chúa Nhật 29.10.2006

VỀ MỤC LỤC

CHÓI CHANG

(Mc 10:46:52)

Bóng đêm vây phủ quanh tôi,
ngày càng dầy đặc chơi vơi ngàn trùng,
bước đi như giữa quăng không,
tôi tìm ánh sáng cuối vùng trời mây.
niềm hy vọng vượt tầm tay,
bao nhiêu mộng ước vươn dài tháng năm,
càng mong càng thấy bật tằm . . .

Bóng tối tựa gọng kìm siết chặt
ngàn cân đè đôi mắt ngày đêm,
vùng trời hoang lạnh vô biên,
ngàn cơn uất nghẹn nhận chìm tấm thân.

Nhưng cơ hội ngàn vàng đã tới,
tâm hồn tôi khắp khởi reo mừng,
Bóng đêm như muốn nổ tung,
khi nguồn ánh sáng oai hùng vươn lên.

Từ muôn thuở toàn dân ngưỡng vọng,
bước Thiên Sai mở rộng quan san,
niềm tin tô thắm địa đàn,
từ nay ánh sáng ngập tràn lối đi.

Thầy đứng đó uy nghi cao cả,
suối tình yêu nhiệm lạ vô song,

Tiếng Thày vang vọng không trung,
như ngàn thác đổ vào lòng thế nhân.

Con nhận biết muôn phần tội lỗi,
như bức tường đêm tối bủa vây,
từ nguồn ân sủng cao đầy,
từng luồng ánh sáng xé thây đêm trường .

Thày lấy cả tình thương trời bể,
lắng nghe từng lý lẽ con tim,
từ nay sức mạnh niềm tin,
đẩy lui nỗi sợ khỏi miền tử vong.

Khi vào tận cõi lòng hoang vắng,
Thày khơi nguồn ánh sáng chói chang,
bầu trời thánh sủng hân hoan,
dậy niềm hy vọng chứa chan ân tình.

Từ ngày Chúa Phục sinh vinh hiển,
cơn mây mù tan biến hư không,
Thày đi từng bước chập chùng,
gieo mầm sống mới khắp vùng nhân sinh.

Chính khi chọn đóng đinh thập giá,
Thày thực thi “phép lạ” Thiên Sai.
Khi vừa mới gặp chông gai,
môn đồ cao chạy xa bay, mặc Thày.

Khắp thế giới đêm đầy bao phủ,
cúi xin Thày quy tụ muôn dân,
Tin Mừng vang nhịp thiên thần,
trần gian rộn khúc tri ân muôn loài.

**Quê hương cát bụi tung bay,
trông chờ đến lúc đổi thay!**

Bao giờ ?!

vân thanh

29.10.2006

VỀ MỤC LỤC

SỐNG LÀ CHUẨN BỊ CHẾT

Suy tư về cái chết là suy tư về cái sống. Chết là một phần của sự sống bởi lẽ trong sự sống đã có sự chết. Nó là cánh cửa nối liền hai thế giới như cửa sông đưa giòng nước vào nguồn biển rộng mênh mông. Nó là người bạn trung thành nhất của chúng ta. Nó là người bạn duy nhất không bao giờ quên chúng ta và nó có thể đến viếng thăm chúng ta bất cứ lúc nào, vào sáng sớm tinh sương hay vào lúc đã về xế chiều.

Chúng ta không cần nói đến những cái chết đến với chúng ta từ những nguyên nhân bên ngoài như do tai nạn, sự mưu sát, hay một nguyên nhân nào khác không cần biết. Chỉ cần nói đến sự chết đang nằm sẵn trong bản tính con người chúng ta. Như một hoa trái đang chín dần, mỗi ngày sống là một bước đi chúng ta đang tiến dần về với cái chết đang chờ đợi mỗi người chúng ta. Bên cạnh đó, trong cuộc sống hằng ngày cũng còn có rất nhiều những mất mát, những thua thiệt khiến chúng ta cũng đã chết đi phần nào trong con người chúng ta như mỗi khi chúng ta phải lựa chọn hay mỗi khi phải ra đi. Mỗi lúc lựa chọn là mỗi lúc phải quyết định từ bỏ. Từ bỏ khiến chúng ta phải mất đi một phần những cái thuộc về chúng ta và điều đó làm chúng ta đau khổ và chết đi không ít. Mỗi khi chúng ta phải lên đường ra đi vì công việc hay vì cuộc sống cũng vậy. Chúng ta phải dứt bỏ tình cảm quen thuộc, dứt bỏ sự quyến luyến tự nhiên mà một khi đã quen nhau chỉ muốn ở gần nhau. Sự ra đi lúc này quả thật là một sự thương đau và cũng là một sự chết đi trong lòng không ít cho người phải ra đi, vì không có ra đi nào không làm lòng mình tê tái, cũng không có ra đi nào không để lại nỗi nhớ thương. Nhưng chưa hết, không phải chỉ lúc chúng ta ra đi chúng ta mới cảm thấy đau thương mà cả sự ra đi của những người thân yêu chúng ta cũng để lại những cảm giác thương đau rất nhiều. Mỗi người chúng ta thấy đều có kinh nghiệm này: cứ mỗi lần có một người bạn thân hay một người trong gia đình chúng ta vĩnh viễn ra đi, chúng ta thấy gì trong con người chúng ta ? Chúng ta cảm thấy con người chúng ta cũng chết đi với họ, bằng chứng là chúng ta thấy mất hẳn sinh lực, mất hẳn tinh thần, cũng như mất hẳn niềm vui để sống.

Cứ theo định luật tự nhiên, con người được sinh ra, lớn lên, già đi và chết. Đó là định luật chung của con người. Không ai có thể sống mãi mà không chết ngay dầu các vua chúa ngày xưa đã cố gắng đi tìm thuốc trường sinh bất tử nhưng họ cũng không tránh khỏi định luật khắc nghiệt ấy. Vì thế, chối từ sự chết là lừa dối chính mình. Để sống cách trọn vẹn, người ta phải can đảm chấp nhận sự sống lẫn sự chết. Sự sống quá tự nhiên đến nỗi chúng ta không nghĩ đến ngày nó kết thúc.

Thái độ của con người đối với sự chết luôn là một sự giằng co giữa sự lười cuốn và sự khước từ. Mọi người đều nhận ra rằng sự sống là mỏng manh, là ngắn ngủi và nó có thể kết thúc bất cứ lúc nào.

Chính những tư tưởng về sự chết đưa chúng ta đến vấn nạn này: Cái gì là chính yếu, là trường cửu đối với con người chúng ta ? Chúng ta cần phải làm gì để đối đầu với cái chết đang đến với chúng ta ? Vì thế, phản ánh về sự chết là học cách chúng ta phải sống hôm nay.

Người xưa đã sống đời sống như có một sự sống khác quan trọng hơn là cuộc sống ở đây

và bây giờ, khiến họ sống cách xa cuộc sống hiện tại. Nhưng đối với giới trẻ hôm nay, họ không thể chấp nhận cuộc sống như thế.

Thật vậy, nếu chỗi từ cuộc sống chúng ta đang sống hiện tại hoặc chỉ chú trọng đến cuộc sống hôm nay mà không nghĩ đến ngày mai chúng ta sẽ chết, cả hai đều không thực tế. Vì thế, một số các nhà tâm lý học có khuynh hướng Kitô giáo hiện đại đang có khuynh hướng này: Sống là chuẩn bị cho con người đi về với cái Chết. Chính tư tưởng này đã giúp rất nhiều người thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng khi con người đối diện với cái chết, và nhờ đó cũng đã giúp nhiều người chuẩn bị sẵn sàng để lên đường ra đi cách an bình về với Thiên Chúa và về với những người thân yêu của họ bên kia thế giới. Cũng chính những tư tưởng này đã giúp rất nhiều nhà giàu sang phú quý thực thi đức bác ái, biết dùng của cải đời này để mua lấy nước trời bằng cách chia xẻ phần nào những của cải của họ cho những người nghèo khổ và nhờ thế nhiều người bất hạnh đã có được một đời sống tương đối xứng đáng với phẩm giá con người hơn.

Nói đến đây, tôi nhớ đến câu chuyện về hành vi thiếu bác ái của một người bạn đồng nghiệp của tôi. Câu chuyện xem ra quá bình thường nhưng đã để lại một kỷ ức không mấy tốt đẹp cũng như đã để lại một sự hối hận suốt đời cho người bạn già của tôi. Hy vọng nó có thể giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm sống cho những ngày còn lại của chúng ta trên trần gian này.

Trong chuyến du hành sang Hy Lạp, trên con đường từ Athens đến Kalambaka, người bạn già của tôi đã kể cho tôi nghe câu chuyện của ông như sau:

Chiều hôm đó, khi đi ngang qua một làng nhỏ của người da đen trong sa mạc Sahara. Như thường lệ, khi có một người khách đến, mọi người trong làng chạy ra vây bao quanh xe khách hoặc tò mò, hoặc để giành lấy những thực phẩm mà du khách thường mang theo để tặng họ. Hôm đó, tôi có nhìn thấy một ông lão già đang run lập cập vì lạnh. Nói về cái lạnh trong sa mạc xem ra là khó tin nhưng thực tế là thế. Sahara thường được gọi là xứ lạnh vào đêm nhưng rất nóng dưới ánh quang mặt trời. Mặt trời lặn rồi, ông lão lạnh cóng. Bây giờ, tôi có ý nghĩ cho ông ta một trong những chiếc mền của tôi, nhưng tôi lại để tư tưởng đó qua đi vì tôi nghĩ đêm đến tôi cũng sẽ có lạnh như vậy. Dầu tôi lý luận: ông có thể quen với thời tiết ở đây hơn tôi, nhưng một chút bác ái trong tôi cũng đã khiến tôi suy nghĩ lần nữa, tốt hơn là cho ông ta một chiếc dẫu tôi có lạnh hơn một chút. Tuy vậy, khi tôi rời bỏ ngôi làng, những chiếc mền vẫn còn nằm nguyên vẹn trên chiếc xe của tôi. Bây giờ, lương tâm tôi bắt đầu cắn rứt.

Khi đến nơi tôi có ý định đến, tôi rào một vòng đi tìm một chỗ để yên nghỉ và tôi đã tìm được một nơi vừa ý thích. Tôi cố gắng nằm yên tựa chân lên một hòn đá lớn, nhưng rồi tôi vẫn không yên tâm được. Tôi nhớ cách đó một tháng, một người da đen đã bị nghiền nát bởi một tảng đá to rơi xuống. Nên tôi đã ngồi dậy để xem tảng đá chỗ tôi đang nằm có bảo đảm không. Tôi thấy nó không được cân bằng cho lắm nhưng không đến nỗi nguy hiểm.

Tôi lại nằm xuống. Nếu tôi kể lại điều mà tôi mơ thấy, có lẽ bạn sẽ cảm thấy lạ lùng. Điều đáng buồn cười là tôi mơ thấy tôi đang ngủ dưới một hòn đá lớn và rồi vào một lúc, tôi thấy hòn đá di động và rơi xuống trên tôi. Tôi nghe thấy tiếng xương kêu răng rắc và tôi cảm thấy mình sắp chết vì cả thân xác bị nghiền nát dưới tảng đá ấy. Nhưng tôi ngạc nhiên vì không cảm thấy mình đau đớn gì cả, chỉ có một điều là không thể cử động được. Bây giờ tôi thấy ông lão đang run rẩy trước mặt tôi. Không do dự một chút nào cả, tôi vội vàng lấy ngay một chiếc mền không được dùng đến đang nằm đằng sau tôi để trao cho ông. Tôi cố gắng giang tay ra để đưa nó cho ông. Nhưng viên đá khổng lồ ấy khiến tôi ngay cả một cử động nhỏ cũng không thể làm được. Tôi sợ quá nên chợt tỉnh giấc. Chính cơn ác mộng ấy đã giúp tôi suy nghĩ và hiểu được luyện ngục là gì, cũng như đã hiểu được nỗi khổ đau của các linh hồn là không còn có thể làm được điều mà trước đây họ có thể và lẽ ra nên làm.

Có ai biết được bao nhiêu năm trời sau đó tôi cứ phải bị ám ảnh và ray rứt trong lương tâm mỗi khi nhìn thấy chiếc mền như một bằng chứng cho sự ích kỷ của tôi cũng như cho sự chưa đủ trưởng thành của tôi để vào nước của Tình Yêu?

Tôi cố gắng nghĩ đến bao lâu tôi đã phải ở dưới hòn đá khổng lồ ấy ? Và có sự đáp trả cho tôi rằng cho đến khi tôi có thể làm được một hành động của tình yêu trọn vẹn. Bây giờ, tôi cảm thấy mình hoàn toàn bất lực.

Tôi đưa mắt hướng nhìn đi nơi khác và tôi đã nhìn thấy những bia đá đang nằm trước mặt tôi không gì khác hơn là những nấm mồ của những người đã nằm xuống. Họ cũng vậy, cũng bị xét xử theo hành động trọn vẹn của tình yêu của họ, và giờ đây họ nằm ở đó đang mong chờ Vị Cứu Thế đến giải cứu họ trong ngày sau hết.

Hành động trọn vẹn của tình yêu là gì ? Là Chúa Giêsu đi lên đỉnh đồi Calvê để chết cho hết thảy chúng ta. Như những phần tử của nhiệm thể, chúng ta cũng sẽ được hỏi để cho thấy chúng ta có đủ tình yêu trọn vẹn ấy để theo Ngài lên đỉnh đồi Calvê không ? Sự khước từ làm những việc bác ái cho những người anh em chúng ta nói lên cho chúng ta thấy rằng chúng ta còn có cả một con đường dài nữa phải đi. Nếu chúng ta đã có thể đi qua một người anh em đang run rẩy vì lạnh, một người anh em đang gặp hoạn nạn bên vệ đường, làm cách nào chúng ta có thể dám chết đi cho những người anh em khác như Chúa đã chết đi cho hết thảy chúng ta.

Nếu chúng ta không muốn nằm lâu bất động dưới những viên đá khổng lồ đó thì bây giờ ngay khi còn sống, hãy làm những gì chúng ta có thể làm được cho những người anh em chúng ta để làm hành trang chuẩn bị sẵn sàng cho ngày Chúa gọi chúng ta lên đường về bên kia thế giới.

Lm. Lê Văn Quảng

VỀ MỤC LỤC

Lời từ tấm bia mộ

Vào những dịp giỗ chạp, ngày lễ cầu cho các Linh hồn đã qua đời, dịp đầu Năm mới hay dịp nào về thăm quê nhà...chúng ta thường dành thời giờ ra nghĩa trang thăm viếng phần mộ người thân nằm nơi đó.

Nghĩa cử này nói lên sâu đậm tâm tình lòng trung thành và biết ơn của người còn sống với người đã qua đời.

Đến thăm viếng nơi đó, lẽ dĩ nhiên, ta chỉ có thể tâm tình một mình với người nằm chôn sâu kín trong lòng đất. Người đã quá cố không biết có nghe được ta nói gì không? Ta thì không nghe thấy họ nói gì với ta. Dầu thế, ta tin là mỗi dây liên lạc thần giao cách cảm linh thiêng nối kết hai thế giới người chết và người còn sống lại với nhau. Và tấm bia đá đặt dựng trên nấm mộ của họ nói cho ta một vài tâm tình, như nói thay cho người nằm dưới đó

"Tôi là một tảng đá nặng nề vô hồn được đặt dựng trên nấm mồ của người nằm dưới đây. Tôi không phải là người canh mồ, cũng không phải là vật chắn lối cản trở người khác đến gần nấm mồ đâu.

Người đã quá cố bây giờ nằm chôn sâu kín trong lòng đất, vâng xương thịt đã tan rã thành bụi đất. Nhưng họ không biến mất hẳn khỏi sân khấu cuộc đời đâu. Tên tuổi, ngày chào đời, ngày sau cùng đời sống và quê quán của họ, và có khi cả hình chụp khi xưa nữa, được đục khắc ghi vào bia đá đây. Dù trải qua năm tháng nắng mưa ở giữa trời, nhưng còn vẫn rõ nét, vẫn đọc được. Bia đá giữ lại căn cước của người quá.

Cây Thánh giá dấu hiệu lòng tin của người quá cố cũng được đục khắc ghi sâu đậm nét vào bia đá. Cây Thánh giá không phải là dấu hiệu của sự chết. Nhưng là dấu chỉ lòng tin ơn cứu độ, mà Chúa Giêsu đã đem lại cho con người.

Cây thánh giá là biểu hiệu của sự sống. Chúa Giêsu đã chết trên thập giá và đã sống lại. Ngài đã biến đổi cây thánh giá thành cây mang lại sự sống ơn cứu độ.

Chắc chắn, trong đời sống ai cũng phải trải qua nhiều giai đoạn lên xuống, đau khổ, hy sinh, thất vọng, bệnh tật đau đớn... Đó là những giằng ngang lối cuộc đời. Cây Thánh giá khắc ghi trên phần mộ nói lên: cuộc đời người quá cố nằm nơi đây không thiếu những bước giằng ngang lối cuộc đời như bao người khác!

Chiều dọc thẳng đứng của cây Thánh giá diễn tả sự liên đới giữa Thiên Chúa với người đã qua đời. Và chiều ngang cây Thánh giá nói lên sự tương quan giữa người quá cố với người còn đang sống trên trần gian.

Trong đời sống ai cũng phải trải qua nhiều chặng đường thông thường cũng như bất thường. Vì thế:

Xin đừng buồn sầu thất vọng về đời sống, dù khi gặp phải cảnh phức tạp khó khăn. Nhưng hãy vững niềm tin: Thiên Chúa là nguồn hy vọng sẽ vực dậy cho sống lại.

Xin đừng nói mình bị lôi cuốn vào vòng đau khổ bệnh tật. Nhưng hãy vững niềm tin: Thiên Chúa cảm hóa chúc lành cho cuộc đời.

Xin đừng nghĩ rằng bị đẩy xa khinh chê cô đơn trong đời sống. Nhưng hãy vững niềm tin: Thiên Chúa không bỏ rơi ai. Người hằng hướng dẫn đời sống, như người mẹ cầm tay dẫn con mình đi.

Xin đừng cho rằng một mình phải vượt qua những cay đắng trên đường đời. Nhưng hãy vững niềm tin: Thiên Chúa hằng đồng hành giúp đỡ.

Xin đừng định kiến rằng mọi sự chấm dứt với cái chết. Chết là hết! Nhưng hãy vững niềm tin: Không, chết không phải hết, nhưng là khởi đầu một đời sống mới.

Chính Chúa Giêsu đã trải qua sự chết trước khi sống lại. Ngài là chúc phúc lành cho niềm hy vọng của con người."

Lm. Nguyễn ngọc Long

VỀ MỤC LỤC

Niềm vui trong Chúa là sức mạnh con

Có làm là có thất bại. Con chỉ không thất bại, khi không bao giờ làm cái gì mà thôi. Thường thường khi làm việc (việc tư cũng như việc công, việc nhà cũng như việc cộng đoàn), thành công nhiều hơn thất bại. Nhưng nếu thành công, con coi đó là tự nhiên. Tự nhiên nên mau quên. Nhưng nếu thất bại, con coi đó là bất thường. Bất thường nên ám ảnh. Tuy biết « thất bại là mẹ thành công », nhưng khi thất bại, bị ám ảnh lâu dài, con sẽ thôi không làm nữa. Do đó, thất bại thường có nghĩa là đã bắt đầu khai tử thành công.

Con hoạt động là để đi tìm niềm vui. Niềm vui phục vụ. Phục vụ Chúa và phục vụ tha nhân. Con chỉ vui khi thành công, mà hoạt động nào cũng có thất bại, nên trong khi đi tìm vui, có thể con sẽ gặp buồn. Thấy buồn, vì con đánh giá mình bằng thành công. Thấy buồn, vì không được người đời kính phục. Đời chỉ kính phục những người thành công.

Nhưng Chúa đánh giá con không phải do thành công hay thất bại, mà do con có chịu làm hay không làm : làm cho Chúa và làm cho tha nhân. Chân lý ấy làm cho con vui, dù việc con đang làm có thể mang lại thất bại hoặc chẳng bao giờ gặt hái được thành công. Giá trị của con do Chúa đánh giá thì khác với giá trị của con do người hoặc do chính con đánh giá con. Niềm vui của con là hoa trái Thánh linh (Gal. 5,22), bắt nguồn nơi Chúa, không bắt nguồn nơi người hoặc bắt nguồn nơi con. Niềm vui đó thúc đẩy con làm việc và vẫn có thể ca hát trong thất bại cay đắng. Thi hào R. Tagore cho rằng : **« Thượng Đế kính phục tôi, khi tôi làm việc, nhưng Ngài yêu mến tôi, khi tôi ca hát ».**

Lạy Chúa ! Con cố gắng làm cả hai. Con vẫn không ngừng ca hát khi làm việc, bất kể thất bại hay thành công. Vì con biết có Chúa kính phục con và yêu thương con là đủ rồi.

Cố Lm. Giuse Vũ xuân Huyền +

VỀ MỤC LỤC

Phúc Âm Nhật Ký Ngày 22.10.2006

(Mc 10:35-45)

Cách đây hơn 21 năm, nhân kỷ niệm 20 năm kết thúc Công đồng Vatican II, Giáo hội đã lên tiếng : "Ngày nay, khắp nơi chúng ta chứng kiến thể giới gia tăng nghèo đói, đàn áp, bất công và chiến tranh, đau khổ, khủng bố, và đủ loại hình thức bạo lực khác. Cần phải có một suy tư thần học mới và sâu xa hơn để giải thích các dấu chỉ thời đại này dưới ánh sáng Tin Mừng."^[1] Lạ chưa ! Giữa lúc ai cũng tránh xa và không muốn nghĩ tới những tai họa đó, Giáo hội lại thấy đó là những dấu chỉ thời đại và nỗ lực tìm kiếm giá trị cứu độ nơi những khổ đau đó. Vì xét cho cùng, "tự bản chất hiệp thông, Giáo hội là một nhiệm tích cứu độ nhân loại."^[2]

Trước một nhân loại và dân tộc đang đau khổ về nhiều mặt như thế, thường người ta đặt ra câu hỏi : Giáo hội phải làm gì ? Nhưng đó chỉ là câu hỏi phóng về tương lai. Cần phải hỏi ngược về quá khứ hay về tận nguồn để thấy toàn thể vấn đề. Câu hỏi về tận nguồn đòi chúng ta phải nhìn vào lòng đời để thấy được lòng mình.^[3] Nói khác, những hiện trạng đau thương đó có tổ cáo thực trạng tâm hồn và cuộc sống người Kitô hữu không ? Liệu chúng ta có thể phủi tay được trước những đau khổ của người khác không ? Cách nào đó, phải chăng những nạn nhân thời cuộc không do những bàn tay lông lá của chúng ta gây ra ? Những câu hỏi này không do tưởng tượng phi lý. Rõ ràng trước thánh lễ chúng ta vẫn đầm ngực cả về "những điều thiếu sót" nữa. Đây chính là lúc chúng ta cần xét đến những điều thiếu sót trong sứ mệnh làm chứng hôm nay. Nếu chúng ta sống sát Tin Mừng, liệu nhân loại có đau khổ như vậy không ? Từ những vấn nạn đó, đi đến một câu hỏi sâu hơn : khi được sai vào trần thế, chúng ta đã sống và hoạt động theo hướng nào ?

Muốn tìm được câu trả lời đích xác, chúng ta cần dừng lại khung cảnh và tâm trạng các môn đệ theo Chúa Giêsu ngày xưa. Các ông là những người rất đặc biệt vì đã được tuyển chọn làm tông đồ (tiền thân của giám mục). Nhưng tinh thần thể tục vẫn chưa gột sạch khỏi đầu óc. Các ông tìm mọi cách để "cởi lên đầu lên cổ người ta."^[4] Muốn đổi đời, phải biết mình đang sống theo tinh thần nào.^[5] Không thể lấy tinh thần thể tục mà cải hóa thể gian.

Ngay giữa hàng ngũ tông đồ, các ông không đối thoại với nhau. Bằng chứng, thấy sự kiện Chúa nhỏ to với ông Giacôbê và ông Gioan, "mười môn đệ kia đâm ra tức tối."^[6]

Đúng là tình cảm đã làm cho con người tự ái quá mức, khiến họ không còn nhìn thấy vấn đề và hiểu thấu nỗi khổ tâm của anh em nữa. Họ có biết câu truyện kết thúc thế nào đâu. Tại họ chỉ nghe phần mở đầu câu truyện. Phần kết nếu có lọt vào tai cũng không lọt tới tim họ. Không hiểu hết câu truyện, họ cũng chẳng thêm hỏi lại cho rõ. Trái lại, cứ phản ứng theo ý mình. Họ chỉ nghe những điều muốn nghe. Đó là chỗ bế tắc. Không có hiệp thông, cũng không có đối thoại. Mỗi người chỉ biết có mình. Họ không thông cảm với hai anh em đang muốn "độn thổ" vì bị Chúa "gài độ." Hai anh em đỏ bừng mặt. Giữa lúc "tên tò" như thế, hai anh em lại đụng phải sự tức tối và cái nhìn hằn học từ phía các bạn cùng Nhóm Mười Hai. Tại sao không trực tiếp nói truyện với hai anh em để tìm hiểu đầu đuôi câu truyện và giải quyết vấn đề ? Đối thoại hoàn toàn bế tắc.

Đây là cơ hội ngàn vàng để Chúa dạy một bài học đắt giá về bản chất môn đệ khi được Chúa Kitô sai đi làm chứng và cứu độ nhân loại.

Bài học đó khởi đầu từ một hướng sống Chúa vạch ra khi đi vào trần gian : "Con Người đến để phục vụ."^[7] Nếu không phục vụ, chắc chắn Chúa đã không thể nâng con người lên địa vị con Thiên Chúa. Thánh nhân là Tông đồ dân ngoại, vì đã vất vả và thành công vượt mức trong việc truyền giáo. Thành quả cao quý đó bắt nguồn từ thái độ rất khiêm tốn của Thánh Nhân.^[8] Thực vậy, "là nhà truyền giáo có nghĩa là cúi xuống phục vụ những nhu cầu của mọi người, như người Samaritanô nhân hậu, nhất là những người nghèo túng và những

người cùng khổ nhất, bởi vì ai yêu thương bằng con tim của Chúa Kitô thì không mưu tìm lợi ích riêng, nhưng chỉ tìm vinh danh Thiên Chúa và điều thiện hảo cho tha nhân.”^[9]

Như thế, muốn phục vụ hữu hiệu, nhà truyền giáo phải tìm hiểu và quan tâm tới nhu cầu tha nhân. Chủ quan vạch ra những đường hướng theo ý mình, và tưởng đó là ý Chúa, họ sẽ không thể phục vụ mọi người. Không hiểu tha nhân đang cần gì, mà chỉ chú ý đến chương trình và kế hoạch đã vạch sẵn, sẽ làm cho quần chúng xa rời và chán nản. Nếu có một quả tim như Thiên Chúa, chắc chắn họ đã có thể tìm được một đường hướng phục vụ hữu hiệu rồi. Nếu không, vinh danh Thiên Chúa và thiện ích tha nhân phải nhường bước cho tư lợi hay tham vọng quyền bính. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc truyền giáo.

Công cuộc truyền giáo ở Việt nam hiện tại có vấn đề không ? Làm cách nào giải quyết những vấn đề “thâm căn cố đế” trong Giáo hội Việt nam ?

Trước hết, ĐGH Bênêdictô XVI nhắc lại lời ĐGH Gioan Phaolô II. “Linh hồn của mọi hoạt động truyền giáo: Tình yêu đã là và vẫn sẽ là sức mạnh chủ đạo của việc truyền giáo, đồng thời cũng là tiêu chuẩn duy nhất để xét đoán điều gì phải làm hay không nên làm, phải thay đổi hay không thay đổi. Tình yêu là nguyên tắc hướng dẫn mọi hành động và là mục tiêu để mọi hoạt động nhắm tới. Khi chúng ta hành động vì đức ái, hoặc được khởi hứng bởi đức ái thì không có gì là không thích đáng nhưng tất cả đều tốt.”^[10] Như vậy, tình yêu vừa là động lực, mục tiêu và nguyên tắc hướng dẫn cho công cuộc truyền giáo. Không theo đúng hướng đó, tất nhiên không thể có kết quả như mình mong muốn. Gieo nhân nào gặt quả đó. Sống trong nghi kỵ, ghen tương, ganh đua, lẩn lút, làm sao có thể hiệp thông ? Không hiệp thông làm sao có bác ái ? Không bác ái, thì lấy gì rao giảng ?

Tình yêu là tất cả. Nếu đúng vậy, ai dám trách cứ chúng ta không có tình yêu khi dẫn thân truyền giáo ? Có dân tộc nào nổi tiếng giàu tình cảm hơn chúng ta ? Vậy mà, thực tế lịch sử truyền giáo Việt nam có quá nhiều vấn đề. Chúng ta thua xa Giáo hội Đại Hàn. Kinh nghiệm cho thấy chúng ta giàu tình cảm chứ không giàu tình yêu. Tình yêu khác với tình cảm. Có lẽ cần phải đọc lại thông điệp đầu đời Giáo hoàng của Đức Bênêdictô, để thấy rõ sự khác biệt giữa *agape* và *eros*. Một dân tộc giàu tình cảm như chúng ta có lẽ ít ai vượt qua ải *eros* để tới lãnh vực *agape*. Tình cảm dễ làm con người mù quáng, không nhìn thấy gì ngoài cái tôi cống kênh của mình. Nhất là khi nắm được quyền bính trong tay, cái tôi càng nổi dài với mũ gậy cân đai, tôi càng khó đến với anh em. Cuộc đối thoại bế tắc vì những rào cản ngặt nghèo.

Nếu chỉ có tình cảm mà không tình yêu, con người không thể phục vụ đúng nghĩa. Tình cảm khiến con người co cụm lại. Cái tôi được thổi phồng quá mức, đến nỗi không còn nhìn thấy tha nhân và những nhu cầu thực sự của họ nữa. Chính vì thế, người Pháp mới nói trong mỗi người Việt nam có một ông quan. Nhưng, như tôi đã từng nhận định, không phải một ông quan, nhưng là một ông tướng đang phùng má trợn mắt trong mỗi người Việt nam chúng ta.

Tình cảm bao giờ cũng đòi hai chiều. Có đi có lại mới toại lòng nhau. Hòn đất ném đi hòn chì ném lại. Bán ích đi bán quy tới. Tình yêu mới hoàn toàn vô vị lợi. Khi yêu nhau thực, chúng ta sẽ biết lắng nghe, học hỏi và chấp nhận nhau. Chúng ta sẽ biết cách tôn trọng những khác biệt của người khác. Không yêu nhau, chúng ta sẽ chỉ tìm cách lẩn lút người khác và thiếu vắng hẳn sự thông cảm. Nhìn vào khung cảnh sống giữa Thầy Trò Chúa Giêsu sẽ thấy ngay vấn đề. Chỉ nghĩ đến mình và thiếu khiêm tốn, nên hai ông Giacôbê và Gioan đã vẽ cho Chúa một tương lai hoàn toàn có lợi cho mình.^[11] Các ông khác cũng không khá hơn.^[12] Trung tâm cuộc sống chỉ là cái tôi mà thôi. Nhóm Mười Hai quy tụ những cái tôi kéch xù. Cuộc va chạm nhiều khi nảy lửa. Thầy bị gạt qua một bên. Thầy có đó. Nhưng mọi người coi Thầy như “pha.”

Nhưng Thầy không phải là một con người yếu bóng vía và kém bản lãnh. Thầy thiết lập quân bình rất nhanh. Phải thấy được hướng sống của Thầy phát xuất từ một tình yêu tuyệt vời, mới hiểu tại sao Thầy hy sinh cao độ như vậy. Không tình yêu, Thầy không thể nào phục vụ cho đến chết. Thầy chết không phải để chết. Nhưng mục tiêu tối hậu của việc phục vụ đó là “giá chuộc muôn người.”^[13] Nhờ vậy, Người “sẽ làm cho muôn người nên công chính.”^[14] Rõ ràng Người đã lấy chính mạng sống mình để xây dựng Nước Thiên Chúa.

Người hy sinh mạng sống cho mọi người sống hạnh phúc và bình an .^[15]

Theo gót Thày Chí Thánh, Giáo hội cũng phục vụ quyền lợi của nhân loại, chứ không nhằm bành trướng tổ chức của mình. “Đức ái, linh hồn của Truyền giáo,” mở rộng mọi biên cương. Không có một biên giới văn hóa, chủng tộc, kinh tế, chính trị nào có thể ngăn cản được bước chân nhà truyền giáo. Quả thực, “chứng tá tình yêu, linh hồn của truyền giáo, liên quan tới mọi người. Phục vụ Tin Mừng là một bổn phận chung nối kết mọi cộng đồng.”^[16]

Thực tế, có chỗ nào Giáo hội tìm được những “chứng tá tình yêu” cho bằng gia đình ? Giữa cuộc khủng hoảng gia đình rộng lớn hôm nay, sứ mệnh truyền giáo của gia đình càng quan trọng. Công cuộc tân Phúc Âm hóa phải bắt đầu từ gia đình. Giá trị gia đình có được bảo đảm, tôn trọng và phát huy, con người mới có đủ đức tính để phục vụ lợi ích đồng loại. Nếu không có gia đình, con người không được giáo dục để thấu hiểu giá trị đích thực của tình yêu và không có khả năng phục vụ. Do đó, họ cũng không thể tham gia vào công cuộc Phúc âm hóa toàn cầu.

Chính trong gia đình, tình yêu được nảy nở và trở thành động lực cho mọi sinh hoạt, kể cả truyền giáo. Từ đó đức ái mới được hiểu đúng nghĩa, vượt qua giới hạn của *eros*, tới lãnh vực *agape*. Chỉ có tình yêu này mới là đức ái thực sự. “Nếu truyền giáo không được đức ái định hướng, nghĩa là, nếu không phát xuất từ hành vi yêu mến Chúa sâu xa, thì có nguy cơ chỉ còn là hoạt động từ thiện xã hội mà thôi. Thật vậy, tình yêu mà Thiên Chúa dành cho mỗi con người tạo thành cốt lõi của sức sống và lời rao giảng Tin Mừng, và đến lượt tất cả những ai cảm nhận tình yêu ấy đều trở thành chứng nhân cho Tin Mừng.”^[17]

Định hướng truyền giáo như thế, Giáo hội thấy rõ bản chất của việc truyền giáo hay Phúc âm hóa. “Ngày nay truyền giáo hay Phúc âm hóa không phải là việc bành trướng Giáo hội cũng không còn là lời kêu gọi ưu tiên gởi đến những người ngoài Kitô giáo nữa. Đúng hơn, sống truyền giáo theo nghĩa Phúc âm hóa là phục vụ thể giới một cách vô vị lợi, noi theo bản tính Thiên Chúa luôn hướng tới tha nhân.”^[18] Đó là *agape* đúng nghĩa nhất và là động lực mạnh nhất bảo đảm cho công cuộc truyền giáo đạt kết quả tốt đẹp nhất.

Nhìn lại chính con người mình, tôi cảm thấy thật xấu hổ. Tự bản chất, tôi là người Việt nam. Bởi thế, tôi cũng không khỏi bị tình cảm chi phối. Sự thật và tình yêu nhiều lúc cũng xa tít mù khơi. Bởi đó, không những không làm gì nên hồn, tôi còn nhìn đời bằng màu đen. Chúa dạy phải yêu kẻ thù. Thực tế, tôi không yêu nổi anh em. Khi hứng chí, tôi làm chết bò. Lúc chán nản, tôi không muốn động tay động chân động não. Tôi sống như người không biết Chúa Kitô. Nhất là khi gặp những thất bại hay thất vọng, tôi dễ buông xuôi. Tôi thích nghe nhạc buồn hơn là tìm đến Lời Chúa.

Giữa lúc đó, tự đáy con tim, bỗng vang lên : “Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người.”^[19] Tôi bừng tỉnh. Trung tâm cuộc sống đã thay đổi. Nỗi buồn tắt ngúm. Niềm vui vang dậy với bản tình ca Alleluia !

Lạy Chúa, xin cho con sống thật tình với Chúa để con có thể vận dụng tất cả trái tim và bàn tay tham gia vào công cuộc Phúc âm hóa nhân loại hôm nay. Amen.

đỗ lược 22.10.2006

dzuize@gmail.com

^[1] Thương Hội Đồng Giám Mục Thế Giới Khóa Ngoại Thường 1985 ^[2] ibid.

^[3] Mt 15:19 : “Vì tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống.”

^[4] x. Mc 10:42. ^[5] x. Lc 9:55. ^[6] Mc 10:41. ^[7] Mc 10:45. ^[8] x. Ep 3:8.

^[9] Bê-nê-đi-cô XVI : Sứ điệp “Đức ái: Linh hồn của Truyền giáo,” ngày 29 tháng Tư, 2006.

[10] Gioan Phaolô II : Thông điệp *Redemptoris Missio*, số 60. [11] x. Mc 10:37.

[12] x. Mc 10:41. [13] Mc 10:45. [14] Is 53: 11 [15] x. Rm 14:17.

[16] Bênêdictô XVI : Sứ điệp “Đức ái: Linh hồn của Truyền giáo,” ngày 29 tháng Tư, 2006.

[17] *ibid.*

[18] x. Kavunkal J., *Mission or Evangelization?* *Mission Studies*, Volume 21, Number 1, 2004, pp. 55-64 (10) [19] Mc 10:45.

VỀ MỤC LỤC

ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG (tiếp theo)

Tác phẩm ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG CỦA CÁC LINH MỤC TƯƠNG LAI TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM NGÀY NAY

Nguyên bản tiếng Anh Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH HUY

Bản dịch Việt ngữ Lm. Vincentê Trần Minh Thực, Lm. GB. Nguyễn văn Hào

PHẦN II

NHỮNG GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VỀ VIỆC ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

CHO CÁC CHỦNG SINH

Các ứng sinh linh mục phải chuẩn bị một cách có ý thức để lãnh nhận và sống ân huệ của Thiên Chúa và luôn hiểu rằng Hội thánh và thế giới đang rất cần đến họ.⁷⁰

Đời sống thiêng liêng phải bao gồm và chi phối toàn bộ đời sống con người, vì đời sống thiêng liêng là đời sống nhân bản được sống trong Chúa Thánh Thần. Môi trường hiện tại dẫn đến một hoàn cảnh và hoàn cảnh này lại gây ra những thay đổi sâu xa trong Hội thánh và thế giới. Hoàn cảnh ấy buộc chúng ta phải đặt ra vấn nạn: “Hội Thánh ngày nay và thế giới ngày nay cần kiểu linh mục nào?” Câu trả lời cho vấn nạn này sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc hình thành một chương trình đào tạo phù hợp. Trong khi tìm kiếm một số hướng trả lời, tác giả sẽ quan sát, lượng định, và phân tích một số giáo huấn của Hội Thánh về đời sống thiêng liêng, đặc biệt là đời sống thiêng liêng của các linh mục.

Như đã được đề cập trên đây, việc đào tạo thiêng liêng là yếu tố trung tâm trong sứ mệnh của bất cứ chủng viện nào, vì thế “thiếu đào tạo thiêng liêng, việc đào tạo mục vụ sẽ không có nền tảng.”⁷¹

Một số tài liệu của Hội Thánh về tiến trình đào tạo thiêng liêng sẽ được nghiên cứu gồm:

* *Optatam Totius* (Đào Tạo Linh Mục) và *Presbyterorum Ordinis* (Sứ Vụ và Đời Sống Linh Mục) của Công Đồng Vaticanô II;

* *Pastores Dabo Vobis* (Những Mục Tử Như Lòng Mong Ước) và *Ecclesia in Asia* (Hội Thánh tại Á Châu), Tông Thư Hậu Thượng Hội Đồng Giám Mục của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II;

* *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis* (Lược Đồ Cơ Bản cho Việc Huấn Luyện Linh Mục) và *Spiritual Formation in Seminaries* của Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo.

* Một số Bài Diễn Văn của Đức Thánh Cha cũng được đề cập tới.

* Các tài liệu của Liên Hiệp Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC), và của Hội Đồng Giám

Mục Việc Nam (HĐGMVN) cũng sẽ được nghiên cứu.

CHƯƠNG IV

GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH HOÀN VŨ

VỀ VIỆC ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

A. Tài Liệu của Công Đồng Vaticanô II

1. Đào Tạo Linh Mục (Optatam Totius)

Optatam Totius đưa ra nghiên cứu súc tích nhất về những mục đích của bất cứ chương trình đào tạo nào và nhấn mạnh đến việc đào tạo thiêng liêng.⁷²

Trước hết, Đời Sống Thiêng Liêng Sâu Xa và Cảm Thức về Mầu Nhiệm Hội Thánh: Đời Sống Thiêng Liêng Sâu Xa phải giúp các chủng sinh tập sống trong tình hiệp thông mật thiết và liên tục với Chúa Ba Ngôi, bằng các biện pháp: trung thành suy ngẫm Lời Chúa, tích cực tham dự vào các mầu nhiệm thánh của Hội Thánh, đặc biệt là Thánh Thể và Kinh Thần Vụ, tìm kiếm Chúa Kitô nơi người khác, đặc biệt là những người nghèo khổ và nhỏ bé, và lòng tôn kính hiếu thảo với Đức Trinh Nữ Maria.⁷³

Cảm Thức về Mầu Nhiệm Hội Thánh sẽ được diễn tả bằng lòng gắn bó con thảo với Đức Giáo Hoàng, bằng việc trung thành cộng tác với các Giám Mục, bằng sự hoà hợp với anh em linh mục, để làm chứng về sự hiệp nhất của Hội Thánh. Họ phải bày tỏ lòng sẵn sàng đón nhận quyền bính với xác tín sâu xa và vì những lý do siêu nhiên. Bằng lòng yêu mến như thế đối với Hội Thánh, họ củng cố đời sống thiêng liêng.⁷⁴

Thứ đến, Đời Sống Độc Thân Linh Mục phải được trình bày hết sức kỹ lưỡng cho các chủng sinh như là một món quà quý giá của Thiên Chúa, với tình yêu không chia sẻ vì Nước Trời. Công tác đào tạo này cần được bổ sung bằng những khám phá mới nhất của khoa sư phạm và tâm lý lành mạnh,⁷⁵ nhằm biết làm thế nào tránh được những hiểm nguy đe dọa đức trong sạch, làm thế nào đạt tới mức trưởng thành về nhân bản và làm chủ suy nghĩ, cơ thể, bản năng, tình cảm và những đam mê của mình.

Các chủng sinh cần được huấn luyện trong tinh thần vâng phục của linh mục, tinh thần nghèo khó và từ bỏ, để họ có thể tự nguyện từ bỏ ngay cả những thứ hợp pháp nhưng không thiết thực. Họ phải khiêm tốn hướng tới và đáp lại đời sống độc thân linh mục một cách tự do và quảng đại dưới ơn trợ giúp và tác động của Chúa Thánh Thần, với những phẩm chất tốt đẹp như thành thật, lòng yêu mến lẽ công bình, lòng trung thành với những lời cam kết, thái độ lịch lãm trong hành động, lòng khiêm tốn và bác ái trong lời nói.⁷⁶

Và sau cùng, Optatam Totius ước mong sao các Giám Mục dành riêng ra một khoảng thời gian thích hợp để chuẩn bị kỹ lưỡng hơn về thiêng liêng và sắp xếp công việc mục vụ để thử thách mức độ phù hợp của các ứng viên tiến tới chức linh mục.⁷⁷

2. Sứ Vụ và Đời Sống Linh Mục (Presbyterorum Ordinis)

Presbyterorum Ordinis tập trung vào những đòi hỏi thiêng liêng.⁷⁸

Trước hết, Lòng Khiêm Tốn và Vâng Phục: Đức tính quan trọng nhất của các linh mục là luôn sẵn sàng nhận ra và thi hành ý Chúa, chứ không phải ý riêng mình. Ý thức được sự yếu đuối của mình (1 Cr 1,27), các ngài khiêm tốn làm việc và cố gắng làm điều đẹp lòng Chúa (Ep 5,10), các Ngài hiểu và dẫn bước theo khát mong của Thiên Chúa trong những tình huống bình thường của đời sống hằng ngày.

Lòng bác ái mục tử thôi thúc các linh mục dâng hiến ý muốn của riêng mình bằng lòng tuân phục nhằm phục vụ Thiên Chúa và người khác. Bằng tinh thần đức tin, các ngài vâng phục Đức Giáo Hoàng, Giám Mục Bản quyền và các Bề Trên của mình, trong nhiệm vụ được trao, dầu tầm thường và vô danh, để xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô. Lòng tuân phục này thăng tiến tự do trưởng thành. Bằng lòng khiêm tốn và tuân phục có trách nhiệm, các ngài trở nên thích hợp với Chúa Kitô (Pl 2,7-9; Rm5,19).

Thứ hai, Món Quà Đời Sống Độc Thân: Được Hội thánh Latinh quyết định và bó buộc, Đời Sống Độc Thân được gìn giữ và đánh giá như là món quà của Thiên Chúa, được đón nhận và tuân giữ như một giá trị cao quý của đời sống linh mục. Nó là một dấu chỉ của đức bác ái mục tử và là một suối nguồn đặc biệt của sự phong phú thiêng liêng.

Thực ra, đời sống độc thân có nhiều khía cạnh thích hợp với chức linh mục. Qua đời sống độc thân, được tuân giữ vì Nước Trời, các linh mục kết hợp với Chúa Kitô dễ dàng hơn bằng một con tim không san sẻ (1 Cr 7,32-34). Qua Chúa Kitô, họ hiến dâng bản thân để phục vụ Thiên Chúa và Dân Ngài, và như thế các ngài dễ dàng trở nên dấu chỉ sống động của một thế giới tương lai.

Các linh mục phải khiêm tốn và nhiệt thành cầu nguyện cho đời sống độc thân và đón nhận đời sống ấy như là một món quà thuộc về ân sủng Thiên Chúa. Cùng với Hội Thánh, họ phải khiêm tốn và kiên định cầu nguyện cho ơn trung thành và sử dụng mọi sự trợ giúp siêu nhiên cũng như tự nhiên, đặc biệt là lối thực hành khổ chế đã được kinh nghiệm của Hội Thánh chấp thuận. Cả các linh mục và tín hữu đều phải ấp ủ và nài xin Thiên Chúa quà tặng quý giá là đời sống độc thân linh mục.⁷⁹

Thứ ba, Đức Nghèo Khó Tự Nguyện: Sống trong thế gian và sử dụng thế gian, các linh mục phải học cách thế không thuộc về thế gian và trở nên ngoan ngoãn với tiếng Chúa trong đời sống hằng ngày. Từ sự tự do và ngoan ngoãn này mà sự tự do thiêng liêng lớn mạnh. Nơi sự tự do thiêng liêng, các linh mục tìm được mối tương quan thích hợp với trần gian và của cải trần gian, từ đó các ngài có thể sử dụng của cải cách đúng đắn theo ý Thiên Chúa và từ bỏ những gì phương hại cho sứ vụ của mình.

Vì thế, các ngài phải tránh mọi thứ bề ngoài xa hoa và phù phiếm, và xếp đặt nhà ở sao cho phù hợp để các ngài không tỏ ra xa cách với bất cứ ai, thậm chí những người khiêm tốn nhất cũng dễ dàng thăm viếng các ngài. Do đó, các ngài được mời gọi sống theo đức khó nghèo tự nguyện, nhờ đó các ngài nên phù hợp với Chúa Kitô một cách rõ ràng hơn và trở nên nhiệt thành với tác vụ thánh.⁸⁰

Sau cùng, Cuộc Sống Nội Tâm của các linh mục cần được cổ vũ nhờ các phương tiện thiêng liêng để thánh hoá bản thân: hợp nhất với Chúa Kitô trong mọi trạng huống của cuộc sống; sống nhờ hai bàn tiệc Lời Chúa và Thánh Thể, hai bàn tiệc này được cử hành trong Thánh Lễ và được sùng kính trong Bí Tích Cực Thánh; tự xét lương tâm hằng ngày; đọc sách thiêng liêng để tìm ý Chúa nhờ tác động của Chúa Thánh Thần; các dấu chỉ thời đại và các biến cố cuộc sống; lòng sùng kính đối với Đức Trinh Nữ Maria; các cuộc tĩnh tâm và linh hướng; và các dạng khẩu nguyện và suy nguyện khác.⁸¹

B. Các Tài Liệu của Toà Thánh

1. Những Mục Tử Như Lòng Mong Ước (Pastores Dabo Vobis)

Pastores Dabo Vobis khai triển những ý niệm này một cách cụ thể hơn về công việc đào tạo thiêng liêng.⁸²

Trước hết, Sự Thịnh Lặng và Tiếng Chúa: Cho dù cá nhân con người vẫn mở ra trước siêu việt, trước tuyệt đối, thì việc lắng nghe tiếng Chúa và hiểu rõ giá trị của thịnh lặng trong sâu thẳm lòng người, nơi họ hiện diện một mình với Thiên Chúa,⁸³ cũng là việc rất khó trong xã hội hiện đại. Sự thịnh lặng cho phép chúng ta nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa và để cho sự hiện diện này chiếm đoạt.

Thứ hai, Thánh Thể: không chỉ vì Thánh Thể là suối nguồn và tuyệt đỉnh đời sống thiêng liêng, mà còn vì Thánh Thể hàm dưỡng những thái độ quyết định nơi cá nhân: Các chủng sinh phải được huấn luyện để góp phần tích cực hằng ngày và coi việc cử hành Thánh Thể như là thời điểm cốt yếu trong ngày sống của mình. Những tâm quan trọng bậc nhất được Thánh Thể nuôi dưỡng là lòng tri ân, tự hiến, bác ái, và tôn thờ.

Thứ ba, Bí Tích Sám Hối: Hết sức nhạy bén đối với giá trị và sức mạnh của Thánh Thể, PDV thúc giục việc tái khám phá vẻ đẹp và niềm vui của Bí Tích Sám Hối bằng việc phát huy cảm thức về tội lỗi, về khổ chế, kỷ luật nội tâm, tinh thần hi sinh và Thập Giá.

Thứ tư, Khiêm Tốn Phục Vụ: Các chủng sinh cần một chương trình huấn luyện thích hợp theo tinh thần khiêm tốn phục vụ của Chúa Giêsu (Ga 13,15), theo tình bác ái, đặc biệt là bằng tình yêu thương ưu tiên với người nghèo và lòng thương xót đối với tội nhân.⁸⁴

Thứ năm, Đời Sống Độc Thân Linh Mục được nêu bật như là một ân huệ và quà tặng đặc biệt của Thiên Chúa,⁸⁵ như là lựa chọn một tình yêu không chia sẻ và mạnh mẽ hơn vì Chúa Kitô và vì Nước Thiên Chúa. Đời sống độc thân cần được trình bày rõ ràng, không hàm hồ và theo cách tích cực. Các chủng sinh cần đạt mức trưởng thành về tính dục và tâm lý đầy đủ và một cuộc sống cầu nguyện siêng năng và đích thực, dưới sự hướng dẫn của cha linh hướng. Những điều đó sẽ hàm dưỡng khả năng đánh giá giá trị của hi sinh, xả kỷ, tự hiến hết mình, tự giác kỷ luật, đón nhận sự cô tịch và thập giá. Mọi công việc đào tạo nội tâm phải sinh hoa trái trong chính lối sống của ứng sinh: Các ứng sinh phải tìm kiếm Thiên Chúa nơi người khác qua việc phục vụ thừa tác vụ được trao ban nhưng không và đức bác ái mục tử.

2. Hội Thánh tại Á Châu

a. Những Ưu Tiên của Hội Thánh tại Á Châu

Ecclesia in Asia dành những ưu tiên tuyệt đối cho việc loan báo Tin Mừng (EA số 19) và cho linh đạo về Truyền giáo, tại Á Châu điều này có nghĩa là loan báo Chúa Giêsu như là Đấng Cứu Độ duy nhất (EA số 20), bằng phương tiện hội nhập văn hoá (EA số 21-22), trong suy tư thần học, phụng vụ, và công tác đào tạo linh mục với sự tương tác cả chiêm niệm lẫn hành động.

Để cho sứ vụ truyền giáo được hữu hiệu, Hội Thánh tại Á Châu phải sống hiệp thông mật thiết với Chúa Giêsu Kitô, hiệp thông trong lòng Hội Thánh (EA số 25), hiệp thông bằng đối thoại: đối thoại đại kết giữa các giáo hội, đối thoại với các nền văn hoá, đối thoại với các tôn giáo khác (EA số 29-30), đối thoại bằng cuộc sống với người nghèo (EA số 34), dẫn thân để thăng tiến nhân vị, đặc biệt là người nghèo trong mọi chiều kích về phẩm giá, kinh tế, cuộc sống, về hoà bình và về môi trường (EA số 41).

Sau hết, Hội Thánh tại Á Châu phải đẩy mạnh việc làm chứng cho Tin Mừng (EA số 42-49), nghĩa là Hội Thánh phải thực sự sống điều mình rao giảng.

b. Đào Tạo Thiêng Liêng cho Các Chủng Sinh

Theo lời Đức Hồng Y Paul Shan Kuo-hsi trình bày,⁸⁶ Hội Thánh tại Á Châu cần các linh mục quân bình về tâm lý, trưởng thành về tình cảm, lành mạnh về phán đoán, chính thống về giáo lý, mạnh mẽ về ý chí, nhanh nhẹn về lòng bác ái, luôn sẵn lòng phục vụ người khác, nhiệt tâm đối với việc Phúc Âm hoá và việc mục vụ, có đời sống thiêng liêng bám rễ sâu trong mối hiệp thông mật thiết với Ba Ngôi Cực Thánh và đặt Chúa Giêsu Kitô làm trung tâm. Trước khi vào chủng viện, ứng sinh phải trải qua một trắc nghiệm tâm linh, tốt nhất là do một linh mục chuyên gia hướng dẫn.⁸⁷ Với trắc nghiệm này, ít nhất ứng sinh phải chứng tỏ mình có những dấu hiệu tiềm tàng và tích cực của những phẩm chất nêu trên, và không có những vết tích quá tiêu cực trái ngược.

Những phẩm chất được nêu trên của linh mục cần được ứng sinh thủ đắc dần dần trong những năm dài của quá trình đào tạo. Mặc dù các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng không đưa ra đề nghị chính thức về việc đào tạo tâm lý, tuy nhiên, các ngài đã bàn về điều này trong những cuộc thảo luận theo nhóm nhỏ và những cuộc đàm luận riêng tư. Các ngài đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo về độc thân, các tương giao nhân bản và hợp tác hài hoà với người khác. Các ngài cũng hết sức nhấn mạnh tới việc cầu nguyện, chiêm niệm và cô tịch trong việc đào tạo thiêng liêng. Cầu nguyện, suy niệm, chiêm niệm và cô tịch là những đường hướng thiêng liêng truyền thống dẫn dắt con người tới sự thánh thiện và hoàn hảo trong tất cả các tôn giáo lớn ở Á Châu. Phúc Âm hoá hữu hiệu không chỉ đòi hỏi việc loan báo tích cực, những công việc phục vụ bác ái xã hội, những hoạt động văn hoá và giáo dục, nhưng còn đòi hỏi một đời sống cầu nguyện sâu xa với suy niệm, chiêm niệm, cô tịch và kết hợp với Thiên Chúa.⁸⁸

3. Lược Đồ Cơ Bản cho Việc Huấn Luyện Linh Mục

(Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis)

a. Những Nguyên Tắc Chỉ Đạo Tổng Quát

Trước hết, những linh mục tương lai cần học:89

- * sống gần gũi và luôn đồng hành cùng Chúa Ba Ngôi;
- * thường xuyên tìm được Chúa Kitô trong mỗi hiệp thông thân mật của lời cầu nguyện;
- * giữ Lời Chúa với lòng yêu mến ăn rễ sâu trong niềm tin, và trao Lời Chúa cho người khác;
- * thăm viếng và thờ lạy Chúa Kitô hiện diện nơi bí tích Thánh Thể;
- * có lòng mến yêu thân thiết đối với Đức Trinh Nữ Maria là Đấng liên kết cách đặc biệt với công trình Cứu Độ;
- * tham khảo các tài liệu thánh truyền, các tác phẩm của các Giáo Phụ, và mẫu gương của các thánh;
- * biết cách tra xét và phán đoán lương tâm và những động cơ của chính mình với lòng lương thiện và thành thật.

Thứ hai, việc đào tạo thiêng liêng cho các chủng sinh là một tiến trình bao gồm những giai đoạn khác nhau; mỗi giai đoạn cần được thích ứng với tuổi tác, kinh nghiệm, và khả năng của các chủng sinh. Hiệu quả của việc đào tạo này được nâng cao đáng kể nhờ một số những thời kỳ ấn định cho việc huấn luyện chuyên sâu hơn. Những thời kỳ này có thể là: lúc mới vào chủng viện, lúc bắt đầu học thần học, và khi họ tiến gần tới ngày chịu chức linh mục.

b. Những Khía Cạnh Cụ Thể

Mục đích trước tiên của việc đào tạo thiêng liêng là đức ái hoàn hảo. Mức hoàn hảo này giúp các chủng sinh trở nên Chúa Kitô khác. Được thấm nhuần Thần Khí của Chúa Kitô cách sâu xa, họ sẽ nhận ra điều họ đang làm khi cử hành mầu nhiệm sự chết của Đức Kitô phục vụ (Mt 20,28). Từng bước một, họ phải hiểu biết rõ ràng và chắc chắn về ơn gọi linh mục của mình, và như thế họ làm cho mình có nhiều khả năng thủ đắc những đức tính và thói quen của đời sống linh mục. Họ được kêu gọi cố gắng hết sức để hoàn thiện đời sống của chính mình và đời sống chung trong chủng viện nên một tâm hồn (Cv 2, 44-46).

Nhờ đó, cộng đoàn vui hưởng sự hiện diện của Thiên Chúa, triệt để tuân giữ luật lệ và đạt được mối liên kết hoàn hảo.⁹⁰ Đời sống cộng đoàn như thế chuẩn bị cho các ứng sinh để họ có thể nên một trong tình "huynh đệ bí tích" với cộng đoàn rộng lớn hơn là hàng giáo sĩ giáo phận, nhờ mối liên kết bác ái, cầu nguyện, và sự hợp tác trong nhiều khía cạnh, nhằm xây dựng Hội Thánh, một bốn phận đòi hỏi nhiều trách nhiệm và những c anh tân hợp thời.⁹¹

Mục đích thứ hai là đời sống độc thân linh mục, một nguyên tắc được Hội Thánh Latinh đặt ra cho những ai, nhờ ân sủng Thiên Chúa, tự nguyện đón nhận vì Nước Trời. Ở tình trạng này, các linh mục dễ dàng ở gần Chúa Kitô hơn với một trái tim không chia sẻ; tự do hơn trong việc trao hiến chính mình phục vụ Chúa và Dân Chúa, và đón nhận chức linh mục với lòng quảng đại.⁹²

Bởi vậy, các linh mục tương lai phải ý thức và đón nhận đời sống độc thân như là một món quà đặc biệt Chúa ban. Nhờ đời sống dành trọn cho việc cầu nguyện, cho mối hiệp nhất với Chúa Kitô, cho đức ái huynh đệ chân thành, các thầy có thể giữ gìn cách hân hoan và trọn vẹn đời sống độc thân của mình. Các thầy cần có được tự do hoàn toàn về tâm lý, cả bề trong lẫn bề ngoài, và đạt mức ổn định về tình cảm, để hiểu rõ và sống đời độc thân như là sự kiện toàn bản thân. Một nền giáo dục thích đáng về giới tính sẽ dẫn đưa các thầy tới một tình yêu trong trắng đối với con người hơn là một nỗi lo âu nhằm tránh tội, như vậy nhằm chuẩn bị cho họ dẫn thân vững vàng vào tác vụ mục vụ trong tương lai.⁹³

Một khía cạnh khác của việc đào tạo thiêng liêng là mối tương quan thân mật với Chúa Kitô, "vẫn là một, hôm qua, hôm nay, và mãi đến muôn đời" (Dt13,8). Các chủng sinh nên

nhằm tới mối tương quan bằng hữu gần gũi với con người và sứ vụ của Chúa Kitô, Đấng đã hoàn thành nhiệm vụ mình với lòng khiêm tốn từng phục thánh ý Chúa Cha như là lương thực của mình (Ga 4,34). Các thầy được kêu gọi dâng hiến ý muốn riêng mình để phục vụ Thiên Chúa và tha nhân, nhờ lòng vâng phục với niềm tin.

Họ không chỉ học đón nhận thánh giá, nhưng là yêu mến thánh giá, và gánh vác những trách nhiệm nặng nề được uỷ thác nhằm thi hành sứ mạng tông đồ của mình. Họ cần sống đức vâng phục chân thành đối với Đức Giáo Hoàng và Giám Mục của mình. Bằng việc sống tinh thần phục vụ khiêm tốn và lòng hiếu thảo, họ trở thành những cộng tác viên trung thành của các ngài.⁹⁴

Thứ tư, các chủng sinh phải học nuôi dưỡng Tinh Thần Nghèo Khó để chu toàn việc tông đồ: tin vào sự Quan Phòng của Chúa Cha, họ cần biết thế nào là dư dật và thiếu thốn, thế nào là đói khổ và no đầy, thế nào là có nhiều và có ít, bắt chước gương thánh Phaolô (Pl 4,12). Bước theo gương mẫu Chúa Kitô (2 Cr 8,9), họ nên coi người nghèo và người kém may mắn như là bốn phận đặc biệt của mình và làm chứng cho đức nghèo khó, với tinh thần từ bỏ chính mình trước những của cải không cần thiết.⁹⁵

Thứ năm, việc đào tạo thiêng liêng bao trùm con người toàn diện. Ân sủng không bóp nghẹt tự nhiên, nhưng nâng tự nhiên lên mức độ cao hơn. Các chủng sinh phải tập sống thành thật, luôn quan tâm tới công lý, và những cách ứng xử tốt trong giao thiệp với con người với tinh thần bằng hữu và phục vụ, tinh thần sẵn sàng làm việc, và khả năng làm việc với người khác. Họ phải giữ lời, tự chủ và ân cần trong giao tiếp. Vì nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng cho mọi người, họ phải học nghệ thuật, nghĩa là biết nói chuyện với người khác cách đúng đắn, kiên nhẫn lắng nghe và có khả năng diễn đạt ý mình.⁹⁶

Sau cùng, sinh lực và sự mới mẻ trong đời sống linh mục là Thánh Thể và Bí Tích Sám Hối. Các chủng sinh hằng ngày phải tham dự vào việc cử hành Thánh Thể, "suối nguồn và tột đỉnh của cả đời sống Kitô giáo" và là trung tâm toàn bộ đời sống chủng viện. Việc tôn thờ Thánh Thể phải gắn liền với Kinh Thần Vụ. Nhờ Thánh Thể, phụng vụ và lời cầu nguyện, các thầy sẽ có thể kiên tâm gắn bó thân tình và thật sự với Chúa Kitô và Hội Thánh.⁹⁷ Bí tích Sám Hối phải được thấm nhuần vào các linh mục tương lai, để họ có thể được canh tân hằng ngày. Mỗi chủng sinh phải khiêm tốn và tin tưởng cởi mở lương tâm mình trước vị linh hướng, thông qua việc linh hướng, để thầy được hướng dẫn cách an toàn trên con đường của Chúa.⁹⁸

Thầy phải từng bước thủ đắc đời sống thiêng liêng trưởng thành thật sự qua sự tự đánh giá, tĩnh tâm thường kỳ, và những dạng luyện tập khác, luôn ý thức rằng những hoạt động thiêng liêng ấy sẽ giúp phát triển và tăng cường đời sống thiêng liêng của thầy.⁹⁹ Thầy phải được huấn luyện quan sát chính xác những dấu chỉ thời đại và phán đoán các sự kiện nhờ ánh sáng Tin Mừng. Theo nghĩa này, tĩnh lặng bên ngoài là bắt buộc, vì thiếu tĩnh lặng bên ngoài sẽ chẳng có tĩnh lặng nội tâm trong linh hồn.

4. Đào Tạo Thiêng Liêng Trong Các Chủng Viện

Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo chỉ ra bốn nguyên tắc chỉ đạo khẩn thiết của việc đào tạo thiêng liêng cho các linh mục tương lai:¹⁰⁰

Trước hết, Lời Chúa: Ứng sinh phải tạo được một cảm thức về tĩnh lặng nội tâm thực sự để có thể lắng nghe và hiểu sâu xa Lời Chúa, và kiên nhẫn tìm Chúa Kitô qua chính kinh nghiệm lắng nghe tiếng Chúa trong cầu nguyện của mình. Kinh nghiệm này giúp thầy trở thành thầy dạy cầu nguyện cho người khác. Tĩnh lặng nội tâm tìm được nơi Chúa Kitô suối nguồn và mục đích: là phó thác cho Chúa Cha và tùy thuộc vào Ngài, là sự thân mật nội tâm và đối thoại thực sự với Chúa. Tĩnh lặng bên trong và tĩnh lặng bên ngoài ảnh hưởng lẫn nhau và nuôi dưỡng nhau. Trong một chủng viện, nơi mà tĩnh lặng bên ngoài không hiện hữu thì tĩnh lặng nội tâm cũng vắng bóng. Luật Sống ở chủng viện phải thu xếp ưu tiên cho việc này.¹⁰¹

Thứ hai, ứng sinh phải sống hy tế cứu độ và làm cho hy tế của Chúa Kitô hiện diện nhờ Thánh Thể và làm cho người tín hữu hiệp thông cách xứng đáng với hy tế này.¹⁰²

Thứ ba, thầy phải lớn lên trong hy tế thiêng liêng nhờ đón nhận và vác thập giá theo vết chân từ bỏ chính mình của Chúa Kitô, nghĩa là có lòng vâng phục thực sự và có cảm thức

sám hối.

Và sau cùng, thầy phải có lòng hiểu thảo và tin tưởng đối với Đức Trinh Nữ Maria, Đấng mà Chúa Giêsu trên thập giá đã ban cho chúng ta như người mẹ. Mẫu nhiệm Đức Maria dẫn đưa tới cuộc tiếp xúc tuyệt vời hơn với Chúa Kitô và thập giá của Ngài. Kitô học cũng là Thánh Mẫu học. Tình yêu và lòng sùng kính với Đức Trinh Nữ Maria phải được dậy dỗ và thực hành trong chủng viện với một nguồn sinh lực nội tâm.¹⁰³

Tài liệu này cũng đề nghị chủng viện có một thời kỳ chuẩn bị dành riêng cho việc đào tạo thiêng liêng. Thời kỳ chuẩn bị này nên diễn ra trước, hoặc cách nào đó ngoài thời gian chủng viện, các sinh viên có cơ hội để hoàn tất một thời gian học tập thiêng liêng thực sự.¹⁰⁴

C. Giáo Huấn của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II

1. Đóng Góp của Khoa Tâm Lý Học trong Việc Đào Tạo Linh Mục 105

a. Đóng Góp Thích Đáng và Hạn Chế của Khoa Tâm Lý Trong Tiến Trình Đào Tạo Linh Mục

Theo Đức Giáo Hoàng, sự đóng góp chuyên môn của các nhà tâm lý có thể được sử dụng thích hợp vào thời gian mới nhập học, cũng như trong toàn bộ tiến trình đào tạo. Ý kiến chuyên môn này phải được đưa vào sử dụng theo một đường lối quân bình, nhằm bảo vệ giá trị lớn lao của việc linh hướng. Những can thiệp tâm lý này¹⁰⁶ không loại bỏ khó khăn và căng thẳng nơi con người, nhưng khuyến khích làm triển nở một nhận thức rộng rãi hơn và một rèn luyện khoáng khoát hơn tự do cá nhân của con người.

Theo đường hướng này, con người có thể đón nhận một cuộc đấu tranh cởi mở và thành thật, nhờ sự trợ giúp không thể thay thế của ân sủng. Vì vậy, các nhà đào tạo cần chú ý đến phẩm chất tôn giáo của các chuyên gia tâm lý, cũng như khả năng chuyên môn khoa học của họ. Nhà tâm lý học cần hiểu biết thấu đáo quan điểm Kitô giáo về cuộc sống, và về ơn gọi linh mục, nếu muốn cung cấp một trợ giúp hữu hiệu cho sự hòa hợp cần thiết giữa các chiều kích nhân bản và siêu nhiên.

b. Đào Tạo Thiêng Liêng Và Đời Sống Độc Thân

Đức Giáo Hoàng dạy rằng các ứng viên phải được giới thiệu thực hành cầu nguyện, suy niệm và khổ chế cá nhân dựa trên các nhân đức đối thần được sống trong đời sống hằng ngày. Cả đức ái tông đồ trong Giáo Hội và giáo luật đều đưa ra những bó buộc thích hợp cho tác vụ tương lai của ứng viên. Đời sống độc thân vì Nước Trời phải được trình bày như một chọn lựa rất thuận lợi cho việc hân hoan loan báo Chúa Kitô Phục Sinh.

2. Chuẩn Bị Vững Chắc Cho Các Linh Mục

Đức Gioan Phaolô II nói rằng việc lựa chọn chính xác các ứng viên là một tiến trình phức tạp. Bởi thế, ta phải lập tức bắt đầu tiến trình chuẩn bị các ứng viên được chọn lựa để sau này trở nên các linh mục tốt lành, thánh thiện. Việc đào tạo thiêng liêng và dạy dỗ giáo lý cho các sinh viên phải được kết hợp hài hoà với nhau và do các nhà đào tạo được huấn luyện chu đáo giám sát. Phải nhấn mạnh tới nhu cầu chính yếu là thường xuyên cử hành các bí tích, đặc biệt là Bí Tích Sám Hối, cùng với việc cầu nguyện riêng tư và sốt sắng và thường xuyên gặp một vị linh hướng.

Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng chức linh mục phải được xem như một ơn gọi hướng tới sự phục vụ vị tha và yêu thương; rằng đời sống độc thân, món quà quý giá và mọi thứ liên quan đến đời sống ấy, "phải được coi như là phần không thể thiếu của đời sống bên trong và bên ngoài của linh mục."¹⁰

3. Việc Đào Tạo Thiêng Liêng Thích Ứng với Những Thách Thức Truyền Giáo

Đức Gioan Phaolô II yêu cầu mọi người Công giáo Việt Nam tiến tới một đường lối mới trong việc Phúc Âm hoá; luôn sống nghiêm túc ơn gọi tín hữu đã lãnh nhận từ khi chịu phép rửa và "đảm nhận vai trò của mình trong đời sống và sứ mệnh của Dân Chúa, là chứng nhân của Chúa Kitô, ở mọi nơi mà họ hiện diện."¹⁰⁸

Đối với việc đào tạo người trẻ, ngài yêu cầu các Giám Mục Việt Nam lưu tâm tới những

điều kiện đào tạo tri thức và thiêng liêng thích ứng với những thách đố truyền giáo mà giới trẻ phải đối mặt, bằng việc tuyển chọn kỹ lưỡng những người huấn luyện và các giáo sư, những vị đã thủ đắc mức trưởng thành về nhân bản và đời sống linh mục. Các ngài phải ý thức rằng nhiệm vụ Phúc Âm hoá liên quan tới mọi thành phần Dân Chúa và đòi hỏi lòng nhiệt thành mới, những phương pháp mới và ngôn ngữ mới.¹⁰⁹

D. Giáo Huấn của Đức Bênêđictô XVI

1. Chúa Giêsu Kitô Là Chuẩn Mực Chân Thực

Ngay trước khi được bầu, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI tổng kết rằng nhiều luồng ý thức hệ và một nghĩ đã làm giao động và hất con thuyền bé nhỏ là lối suy tư của các Kitô hữu đi từ thái cực này sang thái cực khác: từ chủ nghĩa Mác sang chủ nghĩa tự do, rồi chủ nghĩa phóng đảng; từ chủ nghĩa tập thể sang chủ nghĩa cá nhân triệt để; từ chủ nghĩa vô thần sang hiện tượng thần bí tôn giáo mơ hồ; tư thuyết bất khả tri đến tạt giáo. Mỗi ngày, các giáo phái mới được sinh ra, dẫn đến lầm lạc (x. Eph.4:14). Đức tin rõ ràng đúng theo Tín Điều của Giáo Hội thường bị chụp mũ là chủ nghĩa cơ bản tuyệt đối dựa vào Kinh Thánh, trong khi thuyết tương đối dường như là thái độ xứng hợp của thời đại chúng ta. Một sự độc tài của thuyết tương đối chẳng nhìn nhận điều gì là tuyệt đối, ngoài cái tôi và những ý nghĩ chợt nảy ra.

Nhưng chúng ta có Con Thiên Chúa, là Con Người Thật như là chuẩn mực cho thuyết nhân bản đích thực. Đức tin trưởng thành và chín chắn là đức tin bám rễ sâu trong tình bằng hữu với Chúa Kitô. Tình bằng hữu này làm chúng ta mở ra với mọi điều tốt đẹp và cho chúng ta chuẩn mực để biện phân giữa cái gì là chân thực và cái gì là giả dối, giữa sự dối trá và chân lý. Chúng ta cần phải trở nên chín chắn trong đức tin trưởng thành này; phải dẫn đưa đoàn chiên Chúa Kitô tới đức tin này. Và đức tin này, đức tin duy nhất, tạo ra sự hiệp nhất và xây dựng trong đức ái như là nền tảng của đời sống Kitô hữu.¹¹⁰

2. Hội Thánh Không Sợ Tương Lai

Trong Sứ Điệp cho các Hồng Y,¹¹¹ Đức Bênêđictô XVI cam kết sẽ luôn luôn nghe theo những linh hứng của Chúa Thánh Thần, với lòng khiêm tốn phó thác cho sự quan phòng của Thiên Chúa, để tiếp tục con đường của các vị tiền nhiệm là loan báo cho toàn thể giới sự hiện diện sống động của Chúa Kitô. Ngài mạnh mẽ khẳng định quyết tâm tiếp tục dẫn thân thi hành Công Đồng Vaticanô II. Ngài cũng cố gắng xây dựng sự hiệp thông trong lòng Hội Thánh, dựa trên sự hiệp thông trọn vẹn với Chúa Kitô Phục Sinh, biểu lộ nơi Thánh Thể.

Trong tương quan với bên ngoài, ngài lấy việc tái lập sự hiệp nhất trọn vẹn và hữu hình nơi những người theo Chúa Kitô, thông qua việc “thanh tẩy ký ức”, như là cam kết ưu tiên. Ngài thúc đẩy Hội Thánh làm sống lại ý thức Truyền Giáo để làm cho ánh sáng Chúa Kitô chiếu soi trước mọi dân tộc ngày nay. Ngài quả quyết sẽ tiếp tục một cuộc đối thoại cởi mở và chân thành với các tôn giáo khác, với các nền văn hoá và văn minh khác nhau, đặc biệt là với những người nghèo và những người nhỏ bé. Ngài cũng tuyên bố rằng mọi người Công giáo sẵn lòng cộng tác để nhằm tới sự phát triển xã hội đích thực vì phẩm giá mọi người, với hy vọng rằng nhờ sự hiểu biết lẫn nhau, hoàn cảnh sẽ làm nảy sinh một tương lai tốt đẹp hơn cho mọi người.

3. Mở Rộng Cửa cho Chúa Kitô

Sau hết, trong Thánh Lễ Nhậm Chức,¹¹² ngài lặp lại lời Đức Gioan Phaolô II “Đừng sợ! Hãy mở rộng cửa cho Chúa Kitô!” Đấng “sẽ chẳng lấy đi điều gì thuộc về tự do và nhân phẩm của con người ... Chỉ trong tình bằng hữu này chúng ta mới cảm nghiệm được vẻ đẹp và sự giải thoát.”

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Câu Chuyện Thầy Lang

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Nói là “Thông Tim” thì cũng không chính xác lắm. Đúng ra là thông Động Mạch Vành nuôi dưỡng trái tim thân yêu của chúng ta. Thay vì **trơn tru** mở rộng thì động mạch đã bị thoái hóa, tắc nghẽn với nhiều chất khác nhau bám vào thành của huyết quản.

Động Mạch Vành coronary artery bao bọc trái tim như một cái vương miện với hai nhánh phải và trái và nhận máu trực tiếp từ Động Mạch Chủ aorta. Tế bào tim được tiếp tế oxy và chất dinh dưỡng từ động mạch vành. Nếu vì một lý do nào đó mà động mạch này bị nghẹt thì sự nuôi dưỡng bị trở ngại, tim thiếu dưỡng khí, báo động bằng cơn đau thắt ngực.

Trong đa số các trường hợp, tắc nghẽn là do chất béo bám vào mặt trong của thành động mạch. Đó là bệnh Vữa Xơ Động Mạch.

Ngày nay, nhiều người cứ nói vữa xơ là hậu quả của nếp sống dư thừa trong thời văn minh tiến bộ hiện đại. Thực ra dấu hiệu vữa xơ đã tìm thấy ở xác ướp Ai Cập cả nhiều ngàn năm về trước.

Vữa xơ động mạch atherosclerosis là bệnh trong đó các mảng gồm nhiều chất bám vào mặt trong thành động mạch khiến cho sự lưu thông của máu bị gián đoạn. Thành phần chính của mảng này là chất béo, chất cholesterol cộng thêm các chất phụ khác như calcium, tế bào xơ. Mảng xơ vữa có thể tan vỡ, đưa tới chứng huyết khối.

Đây là một diễn tiến phức tạp, phát triển chậm, xuất hiện từ tuổi nhỏ và trầm trọng lên với thời gian. Theo nhiều khoa học gia, bệnh bắt đầu với sự tổn thương ở lớp tế bào trong cùng của động mạch.

Theo Hội Tim Mạch Hoa Kỳ, ba rủi ro đã được chứng minh làm tổn thương lòng động mạch là 1) Mức độ cholesterol và triglyceride trong máu lên quá cao; 2) cao huyết áp; 3) ảnh hưởng của hút thuốc lá.

Ngoài ra vữa xơ còn hay xảy ra ở người béo phì, mắc bệnh tiểu đường, có nhiều căng thẳng tâm thần và không vận động cơ thể.

Di truyền cũng tham dự phần nhỏ. Nếu cả cha lẫn mẹ bị vữa xơ thì con có nhiều triển vọng bị bệnh.

Cũng còn phải kể tới tuổi tác và giới tính.

Người dưới năm mươi tuổi ít vữa xơ hơn người trên tuổi này.

Trước khi mãn kinh, phụ nữ ít bị vữa xơ hơn nam giới nhờ sự bảo vệ của kích thích tố nữ, nhưng từ tuổi mãn kinh thì nam nữ bị vữa xơ bằng nhau.

Vữa xơ có thể thấy ở các động mạch cỡ trung và lớn. Nếu ở động mạch vành nuôi dưỡng tim thì đưa tới nhồi máu cơ tim; động mạch cảnh nuôi dưỡng não bộ sẽ có tai biến mạch máu não, động mạch nuôi dưỡng chi dưới với hoại tử chi; động mạch võng mạc đưa tới khiếm thị, mù lòa...

Tắc nghẽn thì phải kiếm cách thông, giống như thông ống cống nước từ bếp ra vườn. Nhưng thông cống chỉ việc tống cây sào dài vào hoặc đổ nửa lít nước hóa chất là xong. Còn mạch máu thì nằm ở xa lại mỏng manh, khó mà đạt tới. Cũng đã có nhiều dược phẩm để giải tỏa tắc nghẽn nhưng công hiệu chậm. Nên nếu thông được như thông cống thì hay biết mấy.

Thế là các nhà y khoa học lại vất tay lên trán, tìm kiếm kỹ thuật, thuốc men.

Và mở đầu với sự tò mò, mạo hiểm của một sinh viên nội trú y khoa người Đức, anh Werner Frossmann.

Đó là vào năm 1929. Từ lâu, anh ta vẫn muốn tìm cách để thám hiểm trái tim mà không gây ra thương tổn gì.

Sau khi đã có một ý niệm, anh trình bày với các vị thầy, các vị đàn anh về điều anh định làm. Nhưng mọi người đều không tin tưởng và cấm không cho anh thực hiện ý tưởng điên rồ đó trong bệnh viện.

Anh bèn năn nỉ một nữ điều dưỡng viên cho mượn một ống thông. Anh đưa ống thông từ mạch máu ở khuỷu tay của mình, luồn dần lên tim. Đặt ống xong, anh lại năn nỉ một đồng nghiệp điện tuyến, chụp cho một tấm hình X -Quang ngực. Và thấy đầu ống thông đã an toàn nằm ở tim mà không gây ra khó khăn gì cho sức khỏe của mình.

Werner hăm hở tường trình sự việc với ông thầy. Chẳng những không được khen mà còn bị khiển trách, không cho thực tập ngành tim tại bệnh viện. Anh ta đành học về tiết niệu và tiếp tục lén lút nghiên cứu, thọc thêm tới 15 lần nữa vào tim mạch của mình. Nghiên cứu được anh công bố trong y giới, nhưng không ai để ý. Buồn tình, anh về một tỉnh lẻ, hành nghề y, kiếm bạc cắc cho qua ngày.

Rồi một ngày đẹp trời của năm 1956, Werner được mời ra nhận giải Nobel với hai nhà Tim học Andreas Frderic Coumand và Dickinson W. Richards. Hai vị bác sĩ này đã dựa trên kết quả các mạo hiểm trước đây của Werner để tìm cách chữa tắc nghẽn động mạch. Năm 1941, hai ông đã thành công trong việc dùng ống thông tim để đo lưu lượng máu từ tim ra.

Các nhà y khoa học tiếp tục nghiên cứu.

Tới năm 1977 thì bác sĩ Andreas Gruentzig của Bệnh Viện Đại Học Zurich, Thụy Sĩ là người đầu tiên thực hiện kỹ thuật thông mạch máu bằng bóng balloon ở người. Ông này sau đó sang định cư tại Hoa Kỳ, tiếp tục tìm hiểu về bệnh tim và làm giàu trí thức cho quốc gia này. Balloon làm bằng một loại plastic gọi là polyethylene terephthalate (PET) rất bền bỉ và thay đổi hình dạng dễ dàng

Ngày 3 tháng 8 năm 1994, cơ quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ công nhận Balloon-Expandable –Stent do bác sĩ Richards Schatz chế biến để làm thông và mở rộng động mạch tim bị tắc nghẽn vì mỡ đóng lên.

Ngày nay, cả triệu bệnh nhân nghẹt tim được thông bằng kỹ thuật này. Kỹ thuật rất phổ thông, được mang ra dùng tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Phương pháp thông tim giản dị và dễ thực hiện hơn là giải phẫu bắc cầu by-pass surgery, nhưng một trở ngại là từ 30 – 50% bệnh nhân cần thông lại vì mạch có thể bị nghẹt lại. Và stent được các nhà chuyên môn đặt để tránh sự tái tắc nghẽn này.

Xác định tắc nghẽn mạch máu.

Vừa xơ động mạch được xác định bằng kỹ thuật chụp X-Quang cardiac catheterization. Đây là một kỹ thuật rất hữu ích và khá chính xác để biết tình trạng tốt xấu của hệ thống tuần hoàn.

Một ống hướng dẫn bằng plastic mềm nhỏ được đưa vào mạch máu ở cánh tay hoặc ở bẹn. Ống được đẩy dọc theo mạch máu để vào lòng trái tim hoặc động mạch nuôi tim. Một loại hóa chất cản quang đặc biệt được chuyển vào ống hướng dẫn. Chất này giúp ta nhìn rõ được tình trạng trong lòng mạch máu hoặc các phòng trái tim qua máy X-Quang.

Chụp X-Quang mạch máu được áp dụng trong các trường hợp sau:

-Khi ta có dấu hiệu đau động mạch tim như là cơn đau trước ngực;

-Đau không biết nguyên nhân ở ngực, cổ, cổ, cánh tay mà các thử nghiệm khác đều không xác định được tại sao;

-Khi có cơn đau mới xảy ra ở ngực;

-Không có triệu chứng gì nhưng vài thử nghiệm khác cho là ta có thể bị bệnh tim mạch;

-Khi sẽ có phẫu thuật không liên hệ tới tim mạch nhưng ta có thể có rủi ro bệnh tim trong khi giải phẫu;

-Khi ta sẽ có giải phẫu về van tim;

-Khi ta đã có bệnh tim bẩm sinh;

-Khi ta đang bị suy tim;

-Khi có chấn thương ngực hoặc một bệnh tim nào đó.

Thông Tim-Đặt Lưới

Khi tình trạng vữa xơ động mạch tim không có kết quả tốt với thay đổi nếp sống, được phẩm, hoặc khi cơn đau tim ngày càng trầm trọng thì bác sĩ có thể đề nghị làm thông tim-đặt lưới angioplasty balloon.

Trước khi thực hiện, bệnh nhân sẽ được khám tổng quát và làm một số thử nghiệm như:

1- Chụp một phim x-Quang đen trắng của lồng ngực.

Việc này rất dễ thực hiện nhưng cho ta nhiều điều cần biết: hình dạng lớn nhỏ của trái tim, của đại động mạch và tĩnh mạch phổi; tình trạng toàn hảo của hai lá phổi, màng phổi và phế quản.

2- Làm Điện Tâm Đồ.

Mỗi lần trái tim đập một nhịp thì có những dòng điện phát ra từ một số tế bào đặc biệt của trái tim. Luồng điện chạy khắp tim, khiến tim co bóp. Điện tâm đồ ghi lại các sinh hoạt điện năng này.

Nhìn hình tâm đồ, bác sĩ có thể chẩn đoán các rối loạn về nhịp đập của tim; cấu tạo bất thường to nhỏ của tim, sự nuôi dưỡng của tế bào tim với oxy; có tiền sử hoặc đang có cơn đau tim; theo dõi tình trạng tim khi đang giải phẫu hoặc khi thông động mạch.

3- Thử nghiệm máu để coi mức cao thấp của cholesterol lành HDL, cholesterol dữ LDL; của các yếu tố giúp máu bột loãng prothrombine, fibrinogen; các điều tố tim CPK, LDH, Troponin mà khi lên cao có thể là dấu hiệu của cơn đau tim...

Tối ngày thông tim thì được nhắn nhủ không ăn từ nửa đêm hôm trước, điều chỉnh liều lượng hoặc ngưng một vài loại thuốc, nhất là thuốc loãng máu, thuốc tiểu đường.

Kỹ thuật sẽ được một bác sĩ chuyên khoa tim có tu nghiệp thêm về phương pháp này thực hiện với sự tiếp tay của một nhóm chuyên viên điều dưỡng và kỹ thuật. Kỹ thuật thường được làm ở một trung tâm y tế có đơn vị tim mạch, để phòng hờ trường hợp cần cấp cứu giải phẫu tim.

Thông tim thường thực hiện ở động mạch đùi, đôi khi động mạch cánh tay hoặc cổ tay. Bệnh nhân không cần gây mê tổng quát mà chỉ một chút thuốc tê được chích vào háng để giảm đau. Do đó ta tỉnh táo trong suốt thời gian phương pháp được thực hiện.

Một vết cắt nhỏ trên da ở bẹn được rạch và một ống ngắn nhỏ được đặt vào động mạch. Qua ống này, một ống thông hướng đạo dài hơn, có thể uốn cong, được luồn vào trong. Dưới sự hướng dẫn qua X quang, ống thông được đưa lên động mạch tim, nơi bị nghẹt. Ống đi lên rất nhẹ nhàng, ta không cảm thấy đau gì, ngoại trừ một chút thôn thốn ở bẹn mà thôi. Nếu đau thì cho bác sĩ hay ngay để họ đổi pho.

Một chút dung dịch màu cản quang được bơm vào ống, tới động mạch vành để chụp hình X quang, coi tắc nghẽn lớn nhỏ ra sao.

Rồi một ống khác nhỏ hơn đầu có mang một bong bóng xẹp được chuyển vào trong ống hướng đạo. Khi lên tới chỗ bị tắc nghẽn, thì bong bóng được bơm phồng lên. Lúc này máu tới tim sẽ giảm chút ít và ta thấy hơi đau nhói nơi ngực. Bong bóng được bơm lên, xẹp xuống vài lần, sẽ đè vào nơi động mạch dính đầy chất béo, làm lòng động mạch mở rộng. Xong nhiệm

vụ, bóng được làm xẹp trở lại.

Công hiệu của nong bóng không vĩnh viễn. Theo thống kê, có tới 1/3 bệnh nhân có thể bị nghẹt trở lại trong vòng tháng.

Để ngăn ngừa tái tắc nghẽn, một lưới gọi là stent nhỏ xíu được phát minh. Lưới nằm trên ống hướng đạo bong bóng, được đưa tới chỗ nghẹt. Bóng được bơm phồng, lưới mở ra và bám ép vào thành động mạch. Lưới an toàn nằm đó suốt đời người như một cái giá chống đỡ không cho động mạch nghẹt trở lại. Lưới làm bằng hợp kim không rỉ không hư hao, không di chuyển và không trở ngại khi ta đi qua máy rà kim loại ở phi trường hoặc chụp X-Quang cơ thể..

Ống hướng dẫn được rút ra và phương pháp thông tim đặt lưới hoàn tất. Trước sau chỉ mất vài giờ đồng hồ, đôi khi chỉ ba mươi phút dưới bàn tay điêu luyện của một chuyên viên đặt ống giàu kinh nghiệm.

Thường thường ta cần nằm lại nhà thương khoảng 24 giờ để bác sĩ theo dõi tình trạng sau giải phẫu.

Các ống đều được rút ra. Vết cắt trên da nơi bẹn và động mạch được băng bó để tránh chảy máu, nhiễm trùng và để vết thương mau lành. Tim được tâm điện đồ theo dõi, để phát hiện và phòng ngừa biến chứng. Nên nằm nghỉ, chân duỗi thẳng

Một vài thuốc chống huyết cục như aspirin, thuốc kháng tiểu cầu, thuốc an thần được bác sĩ biên toa. Nên uống thuốc theo liều lượng, thời gian mà bác sĩ đã dặn.

Về nhà, nên nghỉ ngơi, tránh làm việc quá nặng trong dăm ngày, uống nhiều nước để loại chất màu cản quang.

Để ý các dấu hiệu bất thường như chảy máu, nhiễm trùng sưng đỏ, đau nơi vết thương ở bẹn, nhiệt độ cơ thể lên cao, trong người mệt mỏi, đau ngực, khó thở. Thông báo cho bác sĩ ngay.

Vài tuần sau, khi bác sĩ đồng ý, ta có thể đi làm trở lại được.

Và nhớ giữ ngày tái khám theo hẹn của bác sĩ.

Thế là từ nay ta không còn đau ngực, không còn lo ngại cơn suy tim, tai biến não, tàn phế cơ thể. Nhiều người thấy da dẻ hồng hào, mặt mũi tươi rói, sinh hoạt gia tăng, yêu đời hơn.

Nhưng nên lưu ý lành mạnh nếp sống, bỏ hút thuốc lá, ăn nhiều rau trái cây, bớt chất béo bão hòa động vật, vận động cơ thể đều đặn, giảm cân nếu quá mập phì, chữa các bệnh kinh niên như cao huyết áp, cao cholesterol, bệnh tiểu đường.

Và nhẹ nhàng sống trong niềm vui của Tâm Thân An Lạc với gia đình, thân hữu.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức Texas-Hoa Kỳ.

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và

Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
